VCP

Năng lượng mới vươn tới đỉnh cao

Xây KHÁT VỌNG Nối THÀNH CÔNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023

MỤC LỤC

01 Giới thiệu chung

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT 08
Điểm nhấn hoạt động năm 2023 09
Thông tin khái quát 10
Ngành nghề hoạt động 11
Quá trình hình thành và phát triển 13
Mô hình tổ chức hoạt động 15

02 Giới thiệu VCP Holdings

Hệ thống, mô hình hoạt động, các công ty thành viên 18
Chi nhánh Nhà máy Thuỷ điện Cửa Đạt 19
Công ty CP Thuỷ điện Nậm La 19
Công ty CP Thiết bị phụ tùng Sài Gòn 20
Công ty CP Thuỷ điện Xuân Minh 20
Công ty CP Thuỷ điện Bái Thượng 21
Công ty TNHH Thuỷ điện Đak Robaye 21
Công ty TNHH Thuỷ điện Đak Lô 4 22
Công ty TNHH MTV Nhà máy Thuỷ điện Thác Ba 22
Công ty TNHH Môi trường Ngôi Sao Xanh 23
Công ty CP Cơ điện VCP 23

03 Quản trị Công ty

Giới thiệu Nhân sự chủ chốt 26
Cơ cấu cổ đông 28
Hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2023 29
Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc 30
Định hướng hoạt động của Hội đồng Quản trị trong năm 2024 31

04 Báo cáo hoạt động kinh doanh VCP Holdings năm 2023

Hoạt động sản xuất kinh doanh của các nhà máy trong hệ thống 34
Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống, thiết bị các nhà máy (VCP ME) 35
Hoạt động Đầu tư của VCP Holdings 35
Hoạt động Tài chính của VCP Holdings 38
Số hoá quản trị nguồn lực doanh nghiệp: ERP SAP S/4HANA 39
Các hoạt động khác 40
Kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2024 41

05 Báo cáo phát triển bền vững 42

06 Báo cáo Tài chính hợp nhất 48

GIỚI THIỆU CHUNG

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi: Quý Cổ Đông,

Tôi, Vũ Ngọc Tú, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP (VCP Holdings), bằng thông điệp này, trân trọng thông báo, cập nhật tới Quý vị những phát triển mới nhất của công ty trong năm 2023 và kế hoạch phát triển năm 2024.

Trong năm 2023, VCP Holdings đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng mà không thể thiếu sự hỗ trợ và niềm tin từ phía Quý cổ đông. Công ty đã mở rộng kinh doanh sang lĩnh vực đốt rác phát điện (WTE) và bổ sung thành công 48 triệu kWh/năm từ nguồn năng lượng tái tạo này vào tổng điện lượng hơn 900 triệu kWh/năm hiện có của VCP Holdings. Ngoài ra, Công ty đang tiếp tục tìm kiếm và đánh giá hơn 100MW các dự án thủy điện mới tạo động lực để bứt phá trong các năm tiếp theo. Cùng với kế hoạch M&A, VCP Holdings cam kết đầu tư mạnh mẽ cho công nghệ nhằm tiến tới trình độ quản trị tiêu chuẩn quốc tế bằng việc triển khai hệ thống ERP SAP S/4 HANA tới toàn bộ các công ty con và nhà máy trực thuộc. Thêm vào đó, các hoạt động đào tạo để nâng cao năng lực chuyên môn và khả năng lãnh đạo của nhân viên cũng được chú trọng.

Bên cạnh những thành công đã đạt được, VCP Holdings cũng gặp phải một số thách thức. Với biến động của ngành trong năm vừa qua, các biện pháp Quản lý thông tin dòng chảy và nâng cao hiệu suất phát điện đã được tích cực triển khai nhằm tối ưu hiệu quả kinh tế của nguồn nước và tăng giá trị doanh nghiệp.

Với cam kết không ngừng nỗ lực cải tiến và phát triển, VCP Holdings kỳ vọng sẽ tiếp tục mang lại giá trị tăng thêm cho Quý cổ đông. Trong năm 2024, chúng tôi dự kiến đạt được tổng sản lượng điện vượt qua mốc 1 tỷ kWh/năm, song song với việc tìm kiếm các đối tác chiến lược trong ngành năng lượng để củng cố năng lực toàn diện cho Công ty. Những mục tiêu này này sẽ đưa VCP Holdings trở thành doanh nghiệp năng lượng tư nhân hàng đầu Việt Nam.

Chúng tôi trân trọng mọi ý kiến đóng góp từ phía Quý cổ đông và luôn sẵn sàng lắng nghe để cùng nhau phát triển Công ty mạnh mẽ hơn. Xin vui lòng không ngần ngại liên hệ với chúng tôi để chia sẻ những suy nghĩ và góp ý của Quý vị.

Cuối cùng, thay mặt Hội đồng quản trị, tôi muốn gửi lời cảm ơn chân thành tới tất cả Quý cổ đông đã luôn tin tưởng và hỗ trợ VCP Holdings. Chúng tôi kỳ vọng và tin tưởng vào một tương lai tươi sáng và thành công hơn nữa với sự đồng hành của Quý vị.

Trân trọng

Thay mặt HĐQT
Chủ tịch

Vũ Ngọc Tú

ĐIỂM NHẤN HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

M&A thành công Công ty TNHH Môi trường Ngôi Sao Xanh sở hữu Khu liên hợp xử lý chất thải công nghiệp, chất thải rắn sinh hoạt phát điện tại xã Phù Lãng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, tỷ lệ vốn góp 99,55%.

Đa dạng hóa lĩnh vực đầu tư: Đầu tư vào Công ty TNHH Môi trường Ngôi sao xanh tạo điều kiện cho VCP bước đầu tham gia vào lĩnh vực năng lượng tái tạo khác ngoài thủy điện, đảm bảo hiệu quả hoạt động của toàn hệ thống trước những rủi ro của biến đổi khí hậu và thảm họa thiên nhiên như lũ lụt hoặc hạn hán.

Tăng cường hợp tác quốc tế: Dự án đốt rác phát điện là dự án hợp tác giữa Ngôi Sao Xanh và Công ty Chosun Refractories Eng Co., Ltd của Hàn Quốc. Việc đầu tư vào dự án này tạo điều kiện cho VCP có cơ hội làm việc với đơn vị có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực điện rác tại Hàn Quốc.

Thu hút nhà đầu tư: Lĩnh vực điện rác là lĩnh vực nhận được nhiều sự quan tâm của nhà đầu tư từ các nước đang phát triển nhờ hiệu quả về kinh tế và môi trường. Việc hợp nhất Ngôi Sao Xanh giúp tăng sự hấp dẫn của cổ phiếu VCP đối với nhà đầu tư trong và ngoài nước.

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên Công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP
Tên giao dịch quốc tế:	VCP POWER & CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ:	Tầng 19, tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội.
Slogan:	Năng lượng mới vươn tới đỉnh cao
Mã cổ phiếu:	VCP
Vốn điều lệ:	837.896.580.000 đồng
Điện thoại:	024 626 999 88
Fax:	024 626 999 77
E-mail:	vanthu@vcpholdings.com.vn
Website:	http://www.vcpholdings.com.vn

TẦM NHÌN

VCP P&C trở thành nhà đầu tư, vận hành các dự án năng lượng tái tạo hàng đầu Việt Nam.

SỨ MỆNH

VCP P&C cung cấp nguồn năng lượng sạch cho một tương lai phát triển bền vững.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Uy tín:
Uy tín trong ngành, uy tín đối với khách hàng, đối tác, luôn cam kết chất lượng và luôn giữ chữ Tín trong mọi quan hệ hợp tác

Tri thức:
Luôn hướng tới đội ngũ có một nền tảng kiến thức vững mạnh, am hiểu, nhạy bén trong mọi lĩnh vực

Trách nhiệm:
Trách nhiệm với đối tác, với cộng đồng, với xã hội

Chia sẻ:
Theo nguyên tắc hợp tác các bên cùng có lợi win win, luôn thể hiện tinh thần cho đi của hệ thống

Đồng thuận:
Tinh thần hợp tác đoàn kết trong mọi công việc

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Sản xuất và kinh doanh điện năng
- Đầu tư xây dựng các dự án năng lượng
- Tổng thầu xây lắp
- Dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng thiết bị cho các nhà máy thuỷ điện
- M&A các công ty hoạt động trong lĩnh vực năng lượng

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2004
Thành lập Công ty với tên Công ty Cổ phần Thủy điện Cửa Đạt

2010
Công ty đổi tên Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Phát triển năng lượng Vinaconex

2013
Thành lập Công ty CP Thuỷ điện Bái Thượng, tỷ lệ vốn góp: 51%

2014
Thành lập Công ty CP Thuỷ điện Xuân Minh, tỷ lệ vốn góp: 51%

2016
2016: Nhà máy Thủy điện Bái Thượng (6MW) vận hành thương mại

2017
2017: Mã cổ phiếu VCP chính thức giao dịch trên sàn Upcom

2018
2018: Nhà máy Thủy điện Xuân Minh (15MW) vận hành thương mại

2020
- M&A 82,76% CTCP Thủy điện Nậm La sở hữu 02 nhà máy là (i) Nhà máy Thủy điện Nậm La - 27 MW; (ii) Nhà máy Thủy điện Tắt Ngoẵng - 7 MW
- M&A 100% Công ty TNHH Thủy điện Đak Robaye, Công ty TNHH Thủy điện Đak Lô 4, Công ty TNHH MTV Nhà máy Thủy điện Thác Ba
- Công ty đổi tên Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP (Tên viết tắt là Công ty cổ phần VCP P&C)
- Thành lập Công ty Cổ phần Cơ điện VCP, tỷ lệ vốn góp: 99,5%

2021
- Hoàn thiện mô hình tổ chức hoạt động VCP HOLDINGS, tái cơ cấu toàn diện VCP và các công ty thành viên trong hệ thống
- M&A Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn (SMA)

2022
Tập trung hoàn thiện hoạt động toàn hệ thống

2023
M&A Công ty TNHH Môi trường Ngôi Sao Xanh, tỷ lệ vốn góp: 99,55%

MÔ HÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

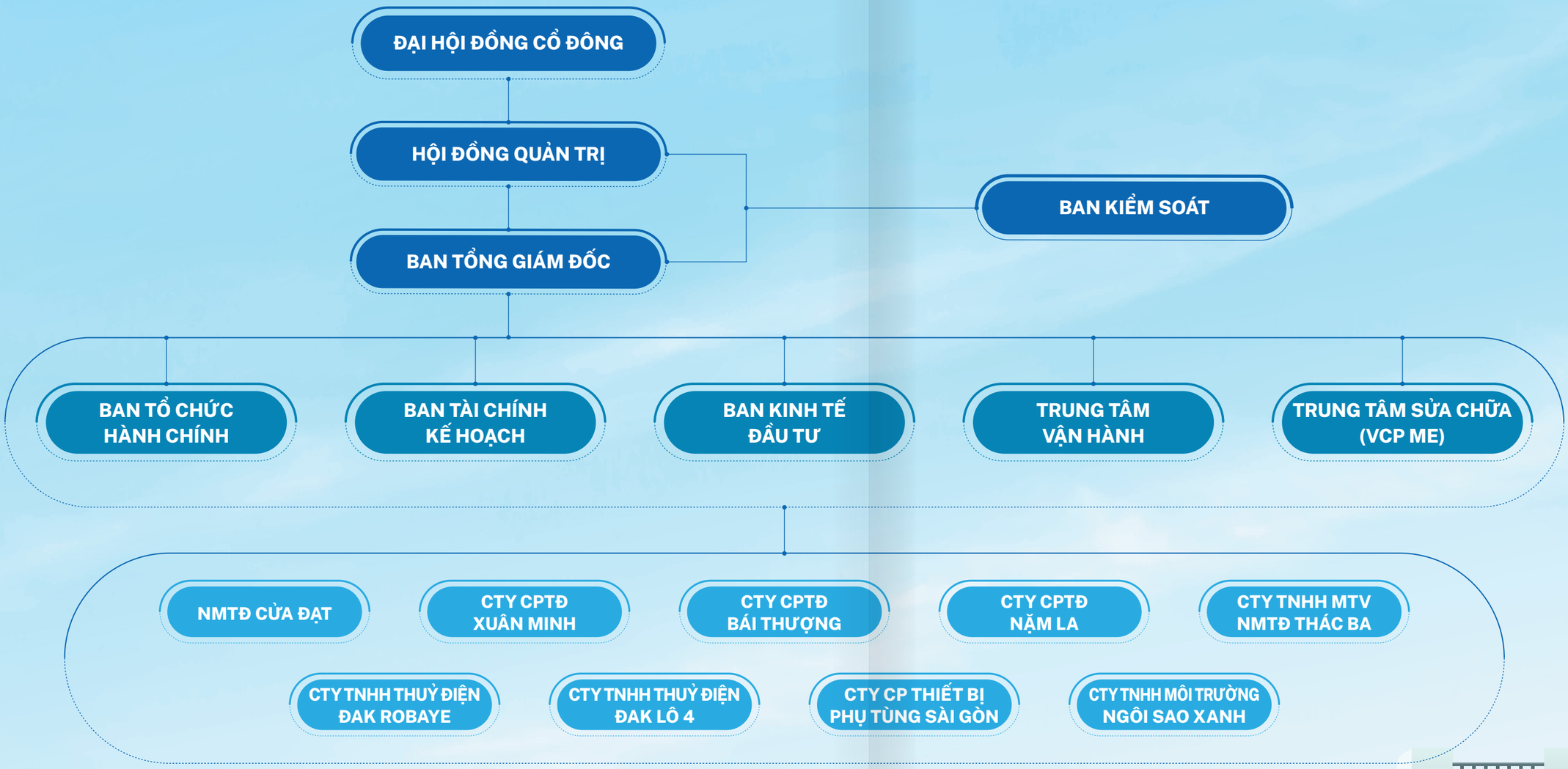

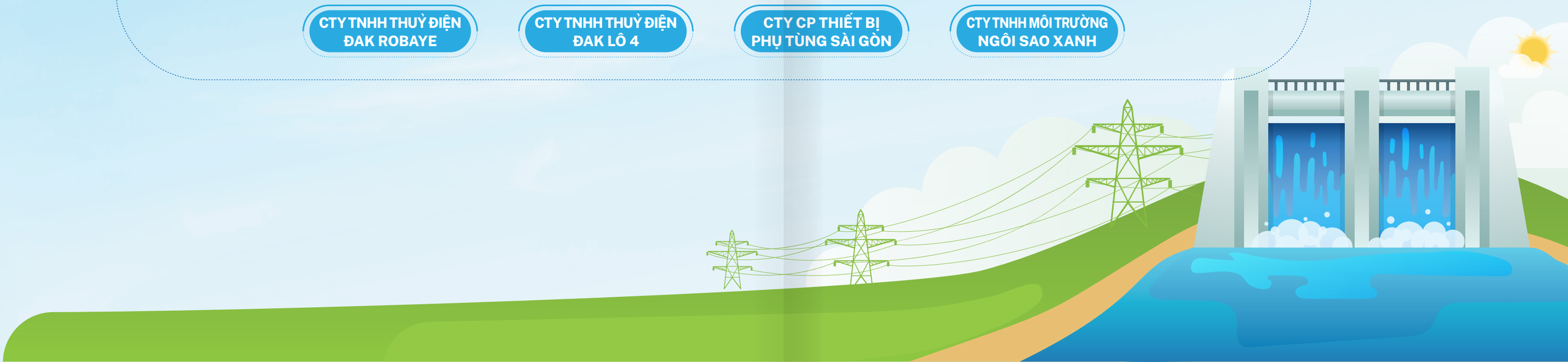

GIỚI THIỆU VCP HOLDINGS

Được thành lập vào ngày 18/05/2004 với nhiệm vụ ban đầu là xây dựng và vận hành Nhà máy Thuỷ điện Cửa Đạt, đến nay VCP HOLDINGS đã có 01 chi nhánh và 09 công ty thành viên hoạt động trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, vận hành các nhà máy năng lượng tái tạo (thuỷ điện, điện rác) và sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị máy móc của các nhà máy điện.

CÁC NHÀ MÁY ĐANG HOẠT ĐỘNG
176,1 MW (Tổng công suất)
761,20 triệu kWh/năm (Tổng sản lượng thiết kế)

DỰ ÁN ĐANG ĐẦU TƯ
38 MW (Tổng công suất)
139,21 triệu kWh/năm (Tổng sản lượng thiết kế)

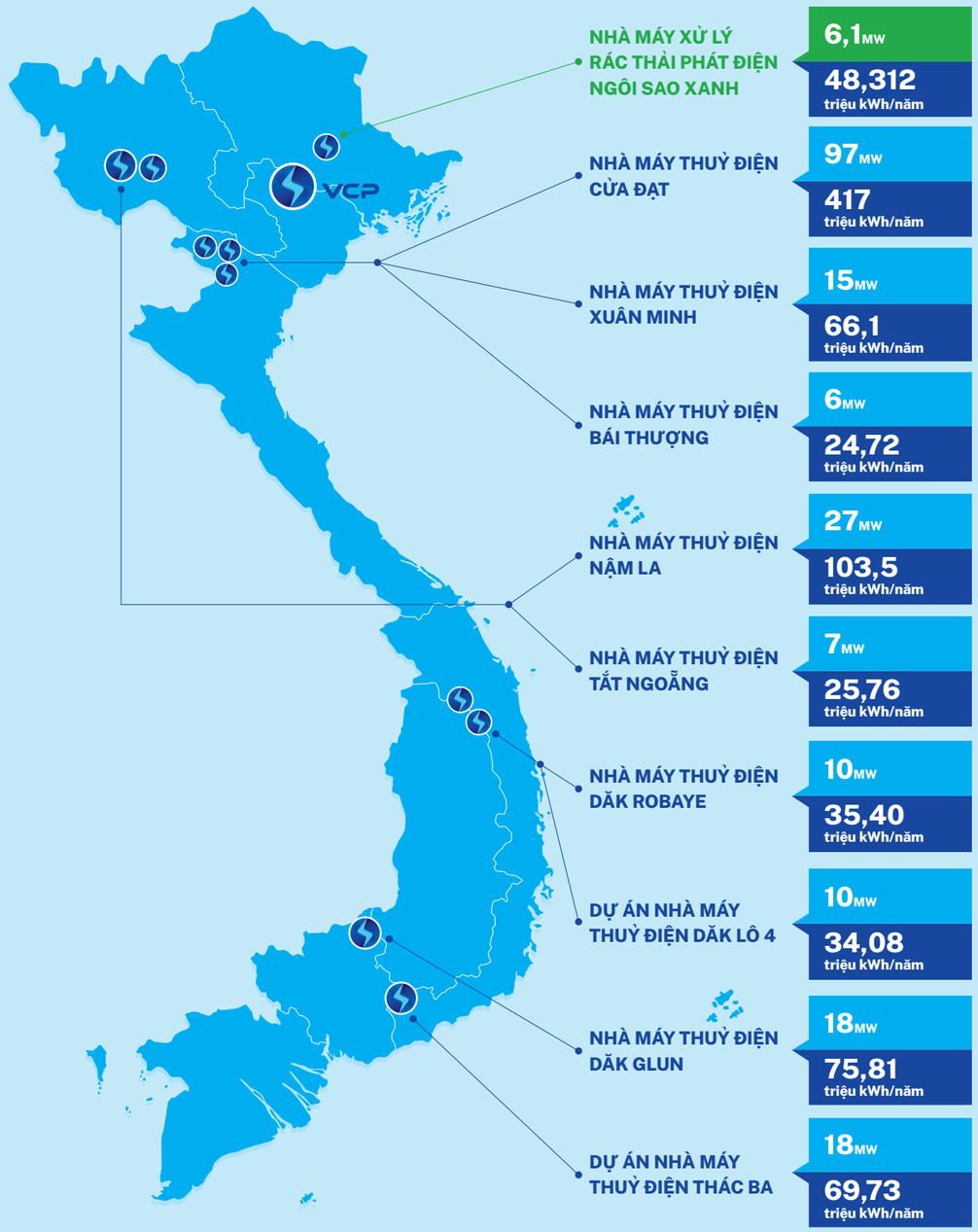

1 Chi nhánh Nhà máy Thuỷ điện Cửa Đạt

Địa chỉ: Xã Vạn Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá

Vận hành Nhà máy thuỷ điện Cửa Đạt

Công suất: 97 MW

Sản lượng thiết kế: 417 triệu kWh/ năm

Nhà máy Thuỷ điện Cửa Đạt có vị trí tại xã Xuân Mỹ, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá. Thuỷ điện Cửa Đạt nằm trong cụm đầu mối Hồ chứa nước Cửa Đạt trên đoạn trung lưu sông Chu, cách cửa sông Đạt khoảng 1km về phía thượng lưu. Nhà máy Thuỷ điện Cửa Đạt đặt phía bờ phải của đập chính, là NMTĐ kiểu đường dẫn, cột nước cao (Htt=70m), công nghệ turbin Francis trục đứng

2 Công ty CP Thuỷ điện Nậm La

Địa chỉ: Số 144, Đường Trường Chinh, Tổ 4, Phường Quyết Thắng, Thành phố Sơn La, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

Vận hành Nhà máy Thuỷ điện Nậm La và Nhà máy Thuỷ điện Tắt Ngoẵng

Công suất: 27 MW/7MW

Sản lượng thiết kế: 103,5 triệu kWh / năm /25,76 triệu kWh/năm

Nhà máy Thuỷ điện Nậm La có vị trí tại xã Mường Bú, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Nhà máy thuỷ điện Nậm La là NMTĐ cột nước cao (Htt=413m, kiểu đường dẫn, công nghệ Turbin Gáo (Pelton) - trục ngang.

Nhà máy Thuỷ điện Tắt Ngoẵng có vị trí tại xã Chiềng Hắc, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Nhà máy thuỷ điện Tắt Ngoẵng là NMTĐ cột nước cao (Htt=56m) kiểu đường dẫn, công nghệ turbin Francis trục ngang.

3 Công ty CP Thiết bị phụ tùng Sài Gòn

Địa chỉ: Thôn 5, xã Đường 10, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

Vận hành Nhà máy Thuỷ điện Đăk Glun

Công suất: 18 MW

Sản lượng thiết kế: 75,81 triệu kWh/ năm

Nhà máy thuỷ điện Đak Glun có vị trí thôn 5, xã Đường 10, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Vị trí tuyến có toạ độ 120°01'40'' vĩ độ bắc và 107°11'23'' kinh độ đông. Cách trung tâm huyện Bù Đăng 50km, nằm trên suối Đak Glun, Mực nước dâng bình thường 294m, mực nước chết 293m, công suất lắp máy 18 Mw, điện năng trung bình quân năm Etb= 75,81 triệu Kwh. Công nghệ tubin Francis trục đứng, đập tràn tự do dài 136m.

4 Công ty CP Thuỷ điện Xuân Minh

Địa chỉ: Tầng 2, Khu nhà điều hành các công trình thuỷ điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá

Vận hành Nhà máy Thuỷ điện Xuân Minh

Công suất: 15 MW

Sản lượng thiết kế: 66,10 triệu kWh/ năm

Nhà máy Thuỷ điện Xuân Minh có vị trí tại thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá. Cách trung tâm Huyện Thường Xuân 3km về phía Nam -Tây Nam, nằm trên dòng sông Chu về phía hạ lưu nhà máy thuỷ điện Cửa Đạt 7km. NMTĐ Xuân Minh là NMTĐ ngang đập, cột nước thấp (Htt=8,5m), công nghệ turbin Kapsun trục ngang. Đập tràn kiểu phím đàn piano dài 150m.

5 Công ty CP Thuỷ điện Bái Thượng

Địa chỉ: Tầng 2, Khu nhà điều hành các công trình thuỷ điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá

Vận hành Nhà máy Thuỷ điện Bái Thượng

Công suất: 6 MW

Sản lượng thiết kế: 24,72 triệu kWh/ năm

Nhà máy Thuỷ điện Bái Thượng có vị trí tại xã Xuân Dương, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá. Thuỷ điện Bái Thượng trên dòng sông Chu, phía hạ lưu nhà máy thuỷ điện Xuân Minh. Nhà máy thuỷ điện Bái Thượng đặt phía bờ trái của đập dâng Bái Thượng, là NMTĐ cột nước thấp (Htt=6,5m), công nghệ turbin Kapsun trục ngang.

6 Công ty TNHH Thuỷ điện Đak Robaye

Địa chỉ: Thôn Măng Đen, TT Măng Đen, H. Kon Plông, T. Kon Tum

Đầu tư xây dựng Nhà máy thuỷ điện Đăk Robaye

Công suất: 10 MW

Sản lượng thiết kế: 35,40 triệu kWh / năm

Nhà máy Thuỷ điện Đăk Robaye xây dựng tại xã Ngọk Tem, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum và xã Sơn Lập, huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi. Cách thị trấn Măng Đen – trung tâm huyện Kon Plông khoảng 40km. Công trình thủy điện Đăk Robaye là công trình thủy điện kiểu đường dẫn cột nước cao, có Đập dâng và hồ chứa nước được xây dựng trên suối Robaye thuộc hệ thống sông Trà Khúc, đường hầm và đường ống thép dẫn nước tới nhà máy thủy điện với tua bin Fracis trục ngang, cột nước phát điện Htt=217.80m.

7 Công ty TNHH Thuỷ điện Đak Lô 4

Địa chỉ: Thôn 1, xã Ngok Tem, H, Kon Plông, T. Kon Tum

Đầu tư xây dựng Nhà máy thuỷ điện Đak Lô 4

Công suất: 10 MW

Sản lượng thiết kế: 34,08 triệu kWh / năm

Nhà máy Thuỷ điện Đăk Lô 4 xây dựng tại xã Ngọk Tem, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum. Cách thị trấn Măng Đen - trung tâm huyện Kon Plông khoảng 40km. Công trình thủy điện Đăk Lô 4 là công trình thủy điện kiểu đường dẫn. Đập dâng và hồ chứa nước được xây dựng trên suối Đăk Lô thuộc hệ thống sông Trà Khúc, kênh dẫn bê tông có áp và đường ống thép dẫn nước tới nhà máy thủy điện với tua bin Fracis trục ngang, cột nước phát điện Htt=40.0m.

8 Công ty TNHH MTV Nhà máy Thuỷ điện Thác Ba

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Bỉnh Khiêm, P. Phú Thủy, TP Phan Thiết, T. Bình Thuận

Đầu tư xây dựng Nhà máy thuỷ điện Thác Ba

Công suất: 18 MW

Sản lượng thiết kế: 69,73 triệu kWh / năm

Nhà máy Thuỷ điện Thác Ba xây dựng tại xã La Dạ, huyện Hàm Thuận Bắc và xã Mỹ Thạnh, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận. Công trình được xây dựng trên Sông La Ngà thuộc hệ thống sông Đồng Nai, cách thành phố Phan Thiết khoảng 130km. Đập dâng và hồ chứa nước được xây dựng phía sau đập dâng công trình thủy điện Hàm Thuận – Đa Mi, đường hầm dẫn nước qua tua bin Fracis trục ngang và trả lại nước vào sông La Ngà cách điểm hợp lưu của 2 nhánh La Ngà và Đa Mi khoảng 6km về phía thượng lưu Sông La Ngà, cột nước phát điện Htt=115.8m.

9 Công ty TNHH Môi trường Ngôi Sao Xanh

Địa chỉ: Thôn Đồng Sài, Xã Phù Lãng, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh

Vận hành Khu liên hợp xử lý chất thải công nghiệp, chất thải rắn sinh hoạt phát điện tại xã Phù Lãng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

Công suất: 6,1 MW

Sản lượng thiết kế: 48,31 triệu kWh/ năm

10 Công ty CP Cơ điện VCP

Địa chỉ: Tầng 19, Toà nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Q. Đống Đa, Hà Nội

Thực hiện dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị cho các Nhà máy điện.

Công ty Cổ phần Cơ điện VCP (VCP M&E) tiền thân là **"Trung tâm lắp đặt bảo trì, sửa chữa thiết bị, đào tạo vận hành nhà máy thủy điện và thi công lắp đặt thiết bị công trình công nghiệp, dân dụng - Nhà máy thủy điện Cửa Đạt"** được thành lập từ năm 2010 với nhiệm vụ lắp đặt, bảo trì, sửa chữa và xử lý các sự cố trong quá trình vận hành của nhà máy thủy điện, nhiệt điện, điện gió, điện mặt trời. Từ nguồn lực của Trung tâm này, Công ty Cổ phần Cơ điện VCP (VCP M&E) được thành lập vào ngày 07/8/2020.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

GIỚI THIỆU NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông **VŨ NGỌC TÚ**
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông **PHẠM VĂN MINH**
Phó Chủ tịch thường trực HĐQT,
Tổng Giám đốc

Ông **TRỊNH NGUYÊN KHÁNH**
Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc

Ông **NGUYỄN VIỆT TIẾN**
Thành viên Hội đồng quản trị

Bà **NGUYỄN THỊ HÀ NINH**
Thành viên Hội đồng quản trị

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT

Bà **ĐINH THỊ HẠNH**
Trưởng Ban kiểm soát

Ông **NGUYỄN HỒ NGỌC**
Thành viên Ban kiểm soát

Bà **BÙI HẢI YẾN**
Thành viên Ban kiểm soát

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

- Công Ty Cổ Phần Đầu Tư VSD
- Phạm Thu Huyền
- Đỗ Tuấn Anh
- Tổng Công Ty Sông Đà - CTCP
- Hoàng Thu Thuỷ
- Nguyễn Phương Thảo
- Cổ Đông Khác

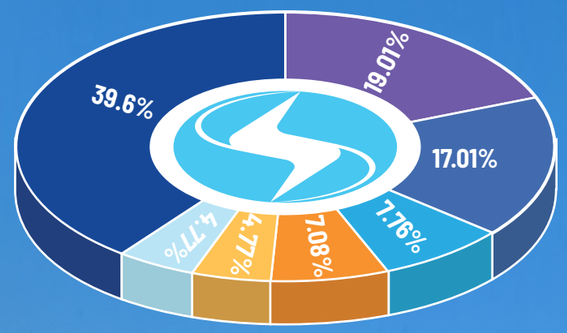

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023

Hội đồng quản trị (HĐQT) hoạt động theo chế độ tập trung dân chủ, quyết định theo đa số. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được ban hành theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Quy chế hoạt động của HĐQT trên cơ sở đảm bảo lợi ích của Công ty và lợi ích của Cổ đông vì vậy mọi chỉ đạo, hoạt động của của HĐQT với Ban điều hành công ty luôn thông suốt, ổn định và hiệu quả. Chủ tịch HĐQT làm việc theo chế độ chuyên trách, 02 thành viên HĐQT kiêm nhiệm Tổng giám đốc, Phó TGĐ, 02 thành viên còn lại làm việc theo chế độ không chuyên trách.

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị Công ty đã họp 04 phiên trực tiếp và xin ý kiến các thành viên HĐQT 12 Nghị quyết, Quyết định chỉ đạo, giám sát, điều hành tất cả các mặt hoạt động của Công ty, cụ thể:

- Chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 và nhiệm kỳ 2024 - 2029.
- Thực hiện các nội dung phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.
- Bảo lãnh vay vốn cho Công ty cổ phần Thiết bị phụ tùng Sài Gòn tại Ngân hàng Công thương chi nhánh Lạng Sơn.
- Thông qua phương án mua lại trái phiếu trước hạn.
- Phê duyệt phương án đầu tư mua lại 99,55% phần vốn góp tại Công ty TNHH Môi trường Ngôi Sao Xanh.
- Thông qua vay vốn và đảm bảo cấp tín dụng tại Ngân hàng MB chi nhánh Điện Biên Phủ.
- Miễn nhiệm/Bổ nhiệm TV HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2019 – 2024.
- Phê duyệt Hợp đồng cung cấp nước từ công trình thủy lợi hồ Cửa Đạt để sử dụng phát điện năm 2024.
- Một số nội dung khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Hội đồng quản trị đã hoàn thành tốt nhiệm vụ ĐHĐCĐ giao, hoạt động tuân thủ quy định của Pháp luật, Điều lệ hoạt động của Công ty đảm bảo vai trò quản lý toàn diện lĩnh vực SXKD, bảo toàn và phát triển nguồn vốn của Công ty. Hội đồng quản trị luôn bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 đã thông qua, đồng thời kịp thời tổ chức các cuộc họp để bàn bạc thảo luận và ban hành các quyết định, chính sách phù hợp với thực tiễn doanh nghiệp để quản trị và điều hành các hoạt động của Công ty.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Ban TGĐ đã chủ động nỗ lực trong việc thực hiện nhiệm vụ và chỉ tiêu mà ĐHĐCĐ đã thông qua, quá trình điều hành luôn thể hiện trách nhiệm cao, duy trì bộ máy vận hành hoạt động ổn định, hiệu quả.
- Công tác quản trị hoạt động của các Công ty thành viên trong hệ thống được duy trì thường xuyên, góp phần đảm bảo nguồn thu cổ tức, lợi nhuận từ các công ty thành viên.
- Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo quản lý chặt chẽ các khoản chi phí sản xuất, chi phí quản lý, quán triệt thực hành tiết kiệm, tiết giảm chi phí từ Công ty mẹ đến các đơn vị thành viên. Thường xuyên tăng cường công tác quản trị vốn, dòng tiền cho SXKD và đầu tư dự án.
- Công tác tài chính, quản lý dòng tiền thu - chi minh bạch, không để xảy ra nợ quá hạn đối với các tổ chức tín dụng. Các giao dịch tái cấu trúc vốn mang lại hiệu quả kinh tế cao.
- Công tác quan hệ cổ đông, công bố thông tin được thực hiện tuân thủ theo quy định của Pháp luật và điều lệ của Công ty.
- Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo an toàn trong sản xuất, vận hành đúng phương thức không để xảy ra cháy nổ và an toàn lao động. Công tác sản xuất điện đảm bảo yêu cầu kinh tế kỹ thuật, đáp ứng tốt phương thức huy động của hệ thống điện.
- Công tác duy tu bảo dưỡng thiết bị luôn được chú trọng tại các Nhà máy góp phần thiết bị vận hành được ổn định an toàn và hiệu quả, hạn chế được các hư hỏng phát sinh trong quá trình vận hành.
- Dẫn dắt, quản lý tốt đội ngũ nhân sự và theo dõi, đánh giá các hoạt động kinh doanh của Công ty một cách sát sao.
- Quan tâm tới sự phát triển nguồn nhân lực, công tác đào tạo không chỉ cho nhu cầu hiện tại, mà còn chuẩn bị cho tương lai.
- Nhận thức rõ tầm quan trọng của chuyển đổi số, từ đó đưa ứng dụng công nghệ ERP vào quản lý, vận hành nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động.
- Chú trọng phát triển văn hoá doanh nghiệp, từng bước tạo nên sự kết nối và xây dựng bản sắc của VCP Holdings.
- Duy trì tốt mọi chế độ chính sách đối với người lao động.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2024

Hội đồng quản trị đưa ra thông điệp của năm 2024 "Căng buồm đón gió" với mong muốn VCP Holdings tiếp tục có những thành quả tốt hơn nữa trong sản xuất kinh doanh và vị thế trên thị trường trong thời gian tới. Để thực hiện Chủ đề này, Hội đồng quản trị đề xuất một số mục tiêu và giải pháp, kế hoạch hoạt động của HĐQT như sau:

- Chỉ đạo thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 và nhiệm kỳ 2024 - 2029.
- Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp của VCP và các đơn vị thành viên trên cơ sở các thông lệ quản trị quốc tế để đảm bảo khai thác các nguồn lực hiệu quả, tạo ra giá trị bền vững trong dài hạn.
- Đưa việc tuân thủ quy định pháp luật vào thành văn hóa doanh nghiệp, làm tôn chỉ trong mọi hoạt động của doanh nghiệp.
- Cử cán bộ quản lý các Ban, đơn vị thành viên, cán bộ bộ liên quan đến công tác pháp chế, quan hệ cổ đông, tài chính tham gia các khóa đào tạo, nâng cao hiểu biết, năng lực về quản trị doanh nghiệp.
- Triển khai áp dụng ERP trong toàn hệ thống.
- Triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 và nhiệm kỳ 2024 - 2029.
- Tổ chức các phiên họp định kỳ và bất thường để triển khai và thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- Đảm bảo nguồn vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh trong bối cảnh khó tiếp cận được nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng.
- Chỉ đạo Nhà máy thủy điện Đăk Robaye phát điện thương mại vào tháng 5/2024 và làm các thủ tục cần thiết để triển khai xây dựng các Nhà máy mới tại tỉnh Kon Tum.
- Tìm kiếm các dự án thuỷ điện, dự án năng lượng khác để đầu tư tăng quy mô hoạt động của hệ thống.
- Thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban điều hành, thúc đẩy việc giám sát của Ban kiểm soát đảm bảo quản trị rủi ro tốt để nâng cao hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Chỉ đạo tổ chức 20 năm thành lập VCP và Teambuilding toàn hệ thống vào tháng 5/2024.
- Tiếp tục thực hiện 8 mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc trong năm 2024 mà Công ty đang theo đuổi.
- Đẩy mạnh công tác truyền thông để nâng cao hình ảnh, thương hiệu VCP.
- Đảm bảo việc làm, thu nhập, phúc lợi cho CBNV; tiếp tục thực hiện tốt trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng, xã hội.

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VCP HOLDINGS NĂM 2023

1. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÁC NHÀ MÁY TRONG HỆ THỐNG

1.1 Các nhà máy thuỷ điện

Bên cạnh những biến động của kinh tế tài chính, năm 2023 là năm khó khăn về thuỷ văn cũng như các chính sách trong ngành điện, ảnh hưởng lớn đến hoạt động SXKD của các nhà máy trong hệ thống.

Năm 2023, do ảnh hưởng của hiện tượng El Nino, tình trạng khô hạn đã làm cho hầu hết các hồ chứa trên cả nước bị thiếu nước, lưu lượng nước về các hồ chỉ bằng 50% so với mức trung bình nhiều năm. Riêng đối với hồ chứa nước Cửa Đạt, lưu lượng về hồ năm 2023 chỉ đạt khoảng 65% so với mức trung bình nhiều năm và thấp hơn nhiều so với năm 2022. Hầu hết các tháng, mực nước hồ đều thấp hơn mực nước quy định trong Quy trình liên hồ chứa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Vì vậy, sản lượng điện năm 2023 của toàn hệ thống chỉ bằng 70% sản lượng năm 2022.

Mặt khác, năm 2023 cũng là năm tình hình kinh tế khó khăn, mặc dù giá bán lẻ điện tăng nhưng phụ tải hệ thống điện giảm nhiều, dẫn đến giá bán điện trên thị trường điện bị giảm so với năm 2022. Đặc biệt, giá bán điện trên thị trường vào các tháng nửa cuối năm 2023 chỉ bằng khoảng 50-60% so với cùng kỳ năm 2022. Vì vậy, doanh thu điện năm 2023 của toàn hệ thống chỉ đạt 65% so với năm 2022.

TỔNG SẢN LƯỢNG **630.580.100** kWh

TỔNG DOANH THU PHÁT ĐIỆN **603.986.459.884** đồng

	Công suất	Sản lượng	Doanh thu
Nhà máy Thuỷ điện Cửa Đạt	97	367.415.359	304.655.928.675
Nhà máy Thuỷ điện Xuân Minh	15	53.763.315	65.191.742.739
Nhà máy Thuỷ điện Bái Thượng	6	20.398.290	24.789.488.409
Nhà máy Thuỷ điện Nậm La	27	95.774.978	119.780.101.006
Nhà máy Thuỷ điện Tắt Ngoẵng	7	15.411.398	16.471.212.214
Nhà máy Thuỷ điện Đăk Glun	18	77.816.760	73.097.986.841
TỔNG CỘNG	**170**	**630.580.100**	**603.986.459.884**

1.2 Nhà máy xử lý chất thải phát điện Ngôi Sao Xanh

Nhà máy được đưa vào vận hành thương mại từ tháng 8/2023.

SẢN LƯỢNG ĐIỆN **8.295.123** kWh

DOANH THU PHÁT ĐIỆN **19.987.117.179** đồng

2. HOẠT ĐỘNG BẢO DƯỠNG, SỬA CHỮA HỆ THỐNG, THIẾT BỊ CÁC NHÀ MÁY (VCP ME)

Công tác sửa chữa bảo dưỡng thiết bị đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc giúp các tổ máy phát điện của các nhà máy đảm bảo vận hành an toàn, ổn định, tin cậy, đạt hiệu suất, đáp ứng yêu cầu hệ thống điện. Với kinh nghiệm sửa chữa các tổ máy hàng năm, Công ty Cổ phần Cơ điện VCP đã chủ động phối hợp các nhà máy trong hệ thống VCP HOLDINGS chuẩn bị đầy đủ vật tư, thiết bị thay thế, bố trí đủ nhân lực, vật tư, phương tiện, dụng cụ thi công phù hợp cho công tác sửa chữa, nhằm đảm bảo hoàn thành công tác đúng tiến độ và trước kế hoạch đề ra.

Năm 2023, Công ty Cổ phần Cơ điện VCP đã phối hợp cùng các nhà máy trong hệ thống bảo trì, sửa chữa và khắc phục các sự cố trong quá trình vận hành với các hạng mục tiêu biểu như sau:

Tiểu tu tổ máy H1, H2, thiết bị phụ trợ NMTĐ Tắt Ngoẵng:	tháng 01/2023
Tiểu tu tổ máy H1, H2, H3 và thiết bị phụ trợ NMTĐ Nậm La:	tháng 02/2023
Tiểu tu tổ máy H1-T1, H2-T2 và thiết bị phụ trợ NMTĐ Cửa Đạt:	tháng 03-04/2023
Tiểu tu tổ máy H1-T1. H2-T2 và thiết bị phụ trợ NMTĐ Đăk Glun:	tháng 03/2023
Tiểu tu tổ máy H1, H2 và thiết bị phụ trợ NMTĐ Xuân Minh:	tháng 07/2023
Tiểu tu tổ máy H1-T1, H2-T2 và thiết bị phụ trợ NMTĐ Bái Thượng:	tháng 7/2023

3. HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CỦA VCP HOLDINGS

Với tầm nhìn trở thành nhà đầu tư, vận hành các dự án năng lượng tái tạo hàng đầu Việt Nam, VCP HOLDINGS tiếp tục chú trọng vào công tác đầu tư các dự án năng lượng trong lĩnh vực thuỷ điện và điện gió.

ĐIỆN RÁC

Trong tháng 10/2023, Công ty VCP đã thực hiện việc M&A 99,55% vốn điều lệ của Công ty TNHH Môi trường Ngôi Sao Xanh. Thông tin về khoản đầu tư này như sau:

- **Tên doanh nghiệp thực hiện đầu tư:** Công ty TNHH Môi trường Ngôi Sao Xanh
- **Phương án đầu tư:** M&A
- **Tỷ lệ sở hữu của VCP:** 99,55% vốn điều lệ của công ty TNHH Môi trường Ngôi sao Xanh
- **Tổng mức đầu tư:** 1.095 tỷ đồng, bao gồm vốn tự có và vốn vay. Trong đó giá trị vay của Ngân hàng MB là 850 tỷ đồng

LĨNH VỰC THUỶ ĐIỆN

CỤM DỰ ÁN THỦY ĐIỆN KON TUM:

1 Thủy điện Đăk Robaye

- **Địa chỉ:** Xã Ngọc Tem, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum
- **Công suất lắp máy:** 10MW
- **Điện lượng:** 35,4 triệu kWh
- **Tổng mức đầu tư:** 359 tỷ đồng

  Công trình đã hoàn thành các hạng mục xây lắp, đang hoàn thiện các thủ tục pháp lý, hồ sơ nghiệm thu đưa vào sử dụng với các cơ quan nhà nước và phát điện thương mại.

(Đầu mối thuỷ điện Đăk Robaye)

(Đường ống áp lực thuỷ điện Đăk Robaye)

(Nhà máy và đường ống áp lực thuỷ điện Đăk Robaye)

2 Thủy điện Đak Lô 4

- **Địa chỉ:** Xã Ngọc Tem, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum
- **Công suất lắp máy:** 10MW
- **Điện lượng:** 34,03 triệu kWh
- **Tổng mức đầu tư:** 373 tỷ đồng
- **Công tác đầu tư:**
  - Đã hoàn thành thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, đền bù giải phóng mặt bằng.
  - Đang thực hiện công tác đấu thầu, lựa chọn nhà thầu thi công

3 Thủy điện Thác Ba

- **Địa chỉ:** Xã La Dạ-Huyện Hàm Thuận Bắc; Xã Mỹ Thạnh -Huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận
- **Công suất lắp máy:** 18MW
- **Điện lượng:** 70,89 triệu kWh
- **Tổng mức đầu tư:** 585 tỷ đồng
- **Công tác đầu tư:**
  - Đã hoàn thành thiết kế cơ sở,
  - Đang thực hiện công tác thiết kế kỹ thuật, giải phóng mặt bằng bằng, công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu thi công

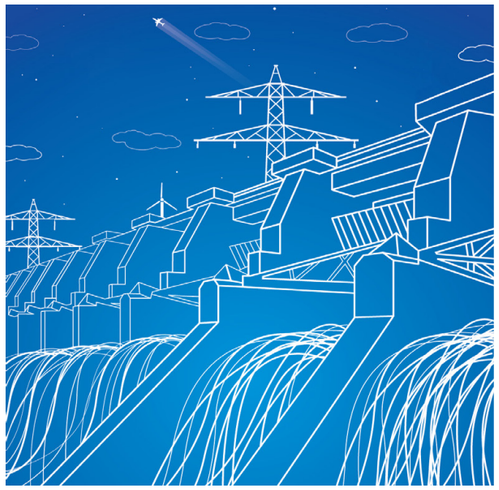

LĨNH VỰC ĐIỆN GIÓ

VCP đã ký hợp đồng đầu tư với Tasco nghiên cứu 02 dự án điện gió

1 Dự án điện gió Sơn Hội

- **Địa chỉ:** Xã Sơn Hội, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên
- **Công suất lắp máy:** 100MW
- **Điện lượng:** 273 triệu kWh
- **Tổng mức đầu tư:** 3.492 tỷ đồng
- **Công tác đầu tư:**
  - Đang thực hiện đo gió, tính toán bổ sung quy hoạch

(Mặt bằng trang trại gió dự án Sơn Hội)

2 Dự án điện gió Yang Bắc

- **Địa chỉ:** Yang Bắc, huyện Đăk Pơ, tỉnh Kon Tum
- **Công suất lắp máy:** 100MW
- **Điện lượng:** 306 triệu kWh
- **Tổng mức đầu tư:** 3.969 tỷ đồng
- **Công tác đầu tư:**
  - Đang thực hiện đo gió, tính toán bổ sung quy hoạch

(Mặt bằng trang trại gió dự án Yang Bắc)

4. HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH CỦA VCP HOLDINGS

Tháng 10 năm 2023, Công ty VCP thực hiện tái cơ cấu tài chính thành công, mua lại trước hạn toàn bộ 2 gói trái phiếu đang lưu hành. Tổng số mua lại trước hạn 430 tỷ đồng bao gồm gói: VCPBOND2020-01, số mua lại là 310 tỷ đồng, gói VCPBOND2020-02, số mua lại là 120 tỷ đồng. Thực hiện M&A Công ty TNHH Môi trường Ngôi Sao Xanh với giá trị 1.095 tỷ đồng (Chiếm tỷ lệ sở hữu: 99,55%) bằng khoản vay dài hạn ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh Điện Biên Phủ.

Nguồn thu từ phát điện năm 2023 thấp khiến việc điều hành dòng tiền gặp nhiều khó khăn. Ban điều hành đã vận dụng linh hoạt các nguồn thu vừa đảm bảo đủ vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư, đủ nguồn tiền trả nợ gốc, lãi vay trong kỳ. Công ty đã điều hành dòng tiền hợp lý không để xảy ra tình trạng nợ quá hạn. Trong thời gian này Công ty cũng đã tích cực huy động từ nguồn vay cá nhân giảm áp lực thiếu hụt dòng tiền. Cùng với việc mở rộng quy mô đầu tư, giá trị vay nợ cũng tăng lên nhưng Công ty luôn tính toán và kiểm soát tốt các rủi ro tài chính như rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất, tỷ giá... Các hệ số thanh toán của Công ty luôn đảm bảo an toàn và ở mức tốt so với các doanh nghiệp cùng lĩnh vực.

Tổng doanh thu	766.237.231.978
Lợi nhuận sau thuế	136.584.821.651
ROE	0.0748
ROA	0.0287
Vốn đầu tư chủ sở hữu	1.736.018.648.922
Tổng Tài sản	4.513.729.872.578

5. SỐ HOÁ QUẢN TRỊ NGUỒN LỰC DOANH NGHIỆP: ERP SAP S/4HANA

Chuyển đổi số là lĩnh vực VCP HOLDINGS đặc biệt quan tâm. Ngày 5/1/2023, VCP, FPT IS và SAP Việt Nam đã khởi động dự án triển khai Hệ thống quản trị nguồn lực doanh nghiệp (ERP) và đến ngày 03/7/2023, dự án triển khai hệ thống SAP S/4HANA đã chính thức đi vào vận hành sau gần 6 tháng xây dựng và hoàn thiện, đánh dấu sự phát triển của VCP Holdings trong kỷ nguyên công nghệ số 4.0. Việc áp dụng SAP S/4HANA góp phần thực hiện chuyển đổi số toàn diện cho VCP Holdings, nâng cao hiệu quả trong quản trị DN, khai thác tối đa nguồn lực, tiềm năng của công ty để tạo ra nền tảng bứt phá.

ERP là bộ giải pháp công nghệ thông tin có khả năng tích hợp toàn bộ các ứng dụng quản lý sản xuất kinh doanh vào 1 hệ thống duy nhất nhằm tự động hóa các quy trình quản lý, ERP cho phép doanh nghiệp kế thừa những kinh nghiệm quản trị tiên tiến trên thế giới

Lợi ích khi áp dụng ERP SAP S/4HANA

- Hệ thống quản trị tập trung, thống nhất, được hỗ trợ bởi nền tảng công nghệ tiên tiến, giúp phát huy sức mạnh của các đơn vị trong mối quan hệ hợp tác, chiến lực.
- Công cụ hỗ trợ chuẩn hoá quy trình nghiệp vụ, thực thi các chính sách chung của hệ thống nhanh chóng, hiệu quả,
- Phù hợp cơ cấu sở hữu tại các công ty, và chiến lược dài hạn mở rộng trong tương lai
- Quản lý chi phí tối ưu, hạn chế rủi ro, thất thoát
- Dễ dàng thu thập thông tin số liệu phục vụ cho việc vay vốn, liên doanh, hợp tác đầu tư với các đối tác quốc tế
- Thông tin thời gian thực, báo cáo quản trị thông minh, hỗ trợ đắc lực cho Ban lãnh đạo quản lý, ra quyết định.

Lợi ích đối với các Nhà máy khi áp dụng ERP SAP S/4HANA

- Thông báo kịp thời tình trạng sự cố thiết bị trên phân hệ PM của SAP để xây dựng dữ liệu lịch sử thiết bị.
- Chụp và gắn hình ảnh vào mã vật tư trên SAP để thuận tiện tra cứu.
- Khai thác và ứng dụng các báo cáo phát triển quản trị, thống kê số liệu trên SAP.

6. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Quản trị, điều hành:

- Hoàn thiện bộ máy quản lý của các Ban chức năng, đơn vị thành viên song song với việc luân chuyển cán bộ, sử dụng nhân sự kiêm nhiệm phù hợp với nhu cầu thực tế hoạt động của hệ thống.
- Áp dụng phương pháp quản lý, điều hành tiên tiến đem lại những hiệu quả tích cực.

Phát triển văn hoá doanh nghiệp, nhận diện thương hiệu VCP HOLDINGS:

- Những chương trình đào tạo cập nhật kiến thức và kỹ năng quan trọng được tổ chức thường xuyên và kịp thời. Hoạt động phát triển văn hóa đọc sách cho cán bộ nhân viên cũng được đẩy mạnh.
- Tổ chức nghỉ mát, teambuilding cho CBNV trong hệ thống để tăng cường tính gắn kết trong tập thể cũng như đem đến thời gian nghỉ ngơi, tái tạo sức lao động cho CBNV.
- Các nhà máy trong hệ thống đã từng bước thay đổi diện mạo, hướng tới sự nhất quán trong hình ảnh của hệ thống và hoàn thiện nhận diện thương hiệu VCP HOLDINGS.

7. KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2024

Hoạt động sản xuất kinh doanh VCP HOLDINGS:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024
1	Sản lượng điện	kWh	638.875.223	655.440.076
2	Doanh thu, thu nhập	đồng	766.237.231.97	785.546.212.770
3	Tổng chi phí	đồng	622.209.023.95	568.452.206.150
4	LN trước thuế	đồng	152.249.902.073	197.094.006.619
5	Thuế TNDN	đồng	15.665.080.422	25.615.397.127
6	LN sau thuế	đồng	136.584.821.651	171.478.609.492

Hoạt động đầu tư:

Tiếp tục hoàn thiện hồ sơ pháp lý và các thủ tục liên quan đến việc đầu tư các dự án: Dự án Thuỷ điện Dak lô 4, Dự án Thủy điện Thác Ba, Dự án Thuỷ điện Xuân Khao, tiếp tục tìm kiếm các dự án năng lượng tái tạo để đầu tư tăng quy mô của hệ thống.

BÁO CÁO
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. THÔNG ĐIỆP VỀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Kính thưa Quý cổ đông và các bên liên quan, trải qua 19 năm hình thành và phát triển, bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh đầu tư, VCP HOLDINGS đã luôn chú trọng các hoạt động bảo vệ môi trường, thiện nguyện, đền ơn đáp nghĩa. Bởi VCP HOLDINGS hiểu rằng mỗi bước tiến của doanh nghiệp phụ thuộc rất nhiều vào sự phát triển bền vững của môi trường, cộng đồng. Trong chiến lược phát triển dài hạn của VCP HOLDINGS, các mục tiêu về phát triển bền vững sẽ là kim chỉ nam để doanh nghiệp đi trên đúng con đường - con đường dẫn đến thành công, đóng góp xây dựng một xã hội tốt đẹp, văn minh.

Năm 2023 là năm đầu tiên VCP HOLDINGS đưa các mục tiêu phát triển bền vững vào chiến lược hành động của doanh nghiệp. Với mục tiêu trở thành công ty hàng đầu trong lĩnh vực đầu tư và vận hành các nhà máy năng lượng tái tạo, VCP HOLDINGS luôn chú trọng, quan tâm xây dựng doanh nghiệp theo hướng ổn định, bền vững, mang lại sự hài lòng cao nhất cho cổ đông, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, an toàn cho người lao động, đảm bảo hài hòa lợi ích cho các bên liên quan và đóng góp tích cực cho sự phát triển của cộng đồng. Để thực hiện được nhiệm vụ này, phát triển bền vững sẽ trở thành cuộc hành trình của tất cả CBCNV VCP HOLDINGS. Cuộc hành trình này đòi hỏi mỗi CBCNV cần có những tư duy mới, tinh thần đổi mới sáng tạo để tạo ra những giá trị khác biệt cho cộng đồng cùng khát vọng cung cấp nguồn năng lượng sạch cho một tương lai phát triển bền vững của người VCP HOLDINGS. Chúng tôi tin rằng phát triển bền vững không hề tách rời khỏi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh ngiệp mà thực sự bắt nguồn từ cách doanh nghiệp vận hành. Và Ban lãnh đạo Công ty cam kết làm hết sức mình để đảm bảo Công ty sẽ tiếp tục tiến bước trên hành trình phát triển bền vững đó.

2. 8 MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA VCP HOLDINGS

2.1. Mục tiêu về Tăng trưởng kinh tế bền vững:

Mục tiêu số 8 "Công việc tốt và tăng trưởng kinh tế"

- Duy trì hoạt động kinh doanh tăng trưởng tốt và bền vững không ngừng cải tiến, nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh.
- Tạo ra giá trị cổ đông.
- Trung thực trong việc đóng góp vào ngân sách nhà nước.

2.2. Mục tiêu về Tác động tích cực tới xã hội.

Mục tiêu số 3 "Sức khoẻ và có cuộc sống tốt"

Mục tiêu số 4 "Giáo dục có chất lượng"

Mục tiêu số 5 "Bình đẳng giới"

Mục tiêu số 8 "Công việc tốt và tăng trưởng kinh tế".

- Đảm bảo ổn định về kinh tế, cuộc sống ổn định. Đảm bảo môi trường làm việc an toàn, hạnh phúc và tinh thần cho CBNV.
- Phúc lợi tốt cho người lao động.
- Sự đa dạng và cơ hội bình đẳng: Đa dạng về độ tuổi nhân sự được đề bạt; bình đẳng giới tính trong nhân sự và quản lý.
- Đầu tư và phát triển con người: Đào tạo nhân lực có chất lượng, đầu tư cho đào tạo và phát triển, phát hiện và nuôi dưỡng nhân tài.
- Tổ chức các hoạt động chia sẻ với cộng đồng.

2.3. Mục tiêu về Bảo vệ môi trường.

Mục tiêu số 7 "Năng lượng sạch với giá thành hợp lý"

Mục tiêu số 13 "Hành động về khí hậu"

Mục tiêu số 14 "Tài nguyên và môi trường biển"

Mục tiêu số 15 "Tài nguyên và môi trường trên đất liền":

- Đầu tư vào lĩnh vực năng lượng sạch.
- Triển khai 5S, ISO 14001 và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của CBNV.
- Duy trì và đảm bảo hiệu quả nguồn tài nguyên nước bằng hiệu suất tối đa.
- Thiết lập và duy trì sự đồng hành vì môi trường giữa công ty và người lao động, khách hàng, đối tác, chính quyền địa phương tại nơi các Nhà máy trong hệ thống (trồng rừng, thả cá và hành động khác về môi trường).

3. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NĂM 2023 CỦA VCP HOLDINGS

3.1. Đảm bảo tăng trưởng bền vững

- Kiểm soát tốt các chi phí và cải tiến năng suất lao động như trong công tác vận hành thiết bị, thay thế thiết bị đã cũ.
- Làm tốt công tác 5S và bắt đầu triển khai Kaizen các hoạt động nhằm mang lại hiệu quả trong công tác vận hành.
- Triển khai áp dụng ERP trong toàn hệ thống và sự cam kết thực hiện của các thành viên đảm bảo kiểm soát đồng bộ và tăng tính hiệu quả hoạt động.

3.2. Đảm bảo điều kiện làm việc tốt, cuộc sống ổn định cho người lao động

- Thực hiện thanh toán tiền lương, thưởng đúng hạn cho người lao động; thực hiện đầy đủ chế độ BHYT, BHXH, BHTN...cho người lao động theo quy định.
- Luôn chăm lo đến đời sống sinh hoạt, cải thiện môi trường làm việc cho CBNV: Kiểm tra môi trường làm việc tại các Nhà máy, công cụ làm việc để từ đó đề xuất Lãnh đạo các đơn vị đầu tư cơ sở vật chất, công cụ làm việc cho CBNV tại những đơn vị trong hệ thống.
- Giảm thiểu tiếng ồn khi làm việc, đầu tư bảo hộ lao động, dụng cụ vớt rác tại các Nhà máy và trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân vận hành, sửa chữa.
- Tổ chức huấn luyện cấp chứng chỉ, thẻ an toàn, hướng dẫn phổ biến biện pháp ATVSLĐ, PCCN, BVMT trước khi bắt đầu công việc cho công nhân vận hành, sửa chữa.
- Ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để khám, kiểm tra sức khỏe cho CBNV toàn hệ thống.
- Tổ chức thăm quan, nghỉ dưỡng cho CBCNV nhằm tái tạo sức lao động.

3.3. Cam kết đảm bảo môi trường

- Tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật về môi trường.
- Duy trì triển khai 5S tại các nhà máy.
- Thực hiện đánh giá nội bộ việc thực hiện các quy trình ISO 14001 tại Nhà máy TĐCĐ, XM, BT. Giảm thiểu các tác động có hại tới môi trường và cộng đồng trong mọi hành động.
- Tiến hành rà soát, tổng hợp đánh giá sự ảnh hưởng của dự án thủy điện tới xã hội, môi trường để có phương án khắc phục đặc biệt đối với Nhà máy thủy điện Xuân Minh, Bái Thượng, Nậm La, Đăk Robaye, Đăk Glun.

- Ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để xử lý các chất thải nguy hại, chất thải rắn, chất thải sinh hoạt.
- Tổ chức phát động các hoạt động vì môi trường đối với tất cả các đơn vị trong hệ thống như: Trồng cây, thả cá, vệ sinh tại các Nhà máy...
- Năm 2023, các Nhà máy trong hệ thống đã tham gia phong trào trồng cây, thả cá
  + Nhà máy TĐCĐ, Xuân Minh, Bái Thượng: 15.000 cây keo và 1 tạ cá giống
  + Nhà máy Nậm La: 100 cây ăn quả xung quanh Nhà máy
  + Nhà máy Đăk Robaye: 2000 cây
  + Nhà máy Đăk Glun: 1 tạ cá giống

3.4. Trách nhiệm với xã hội:

- Tiếp tục làm tốt trách nhiệm xã hội: Phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam anh hùng, hỗ trợ CBNV có hoàn cảnh khó khăn hoặc ốm đau, bệnh tật, thăm hỏi các gia đình chính sách, tham gia công tác từ thiện tại địa phương nơi các Nhà máy đóng trên địa bàn.
- Duy trì nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để phục vụ hoạt động SXKD, đào tạo cho người lao động, xây dựng sự gắn kết của nhân viên đối với Công ty.
- Hàng tháng tổ chức các buổi Review sách trong toàn hệ thống.
- Xây dựng, tuyên truyền, giám sát việc thực hiện văn hóa doanh nghiệp tại nơi làm việc.

4. KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG CỦA VCP HOLDINGS VÌ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NĂM 2024

- Tiếp tục theo đuổi 8 mục tiêu phát triển bền vững mà Công ty đã cam kết.
- Rà soát, hệ thống hóa các chiến lược và mục tiêu phát triển bền vững.
- Nhất quán trong mọi hoạt động, trong toàn hệ thống trong việc đề cao các chuẩn mực đạo đức, văn hóa doanh nghiệp.
- Tiếp tục đảm bảo các thông tin công bố ra công chúng kịp thời, chính xác và tuân thủ theo các quy định hiện hành của Pháp luật, tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Công ty với cổ đông.
- Có các hành động cụ thể hơn nữa về môi trường.

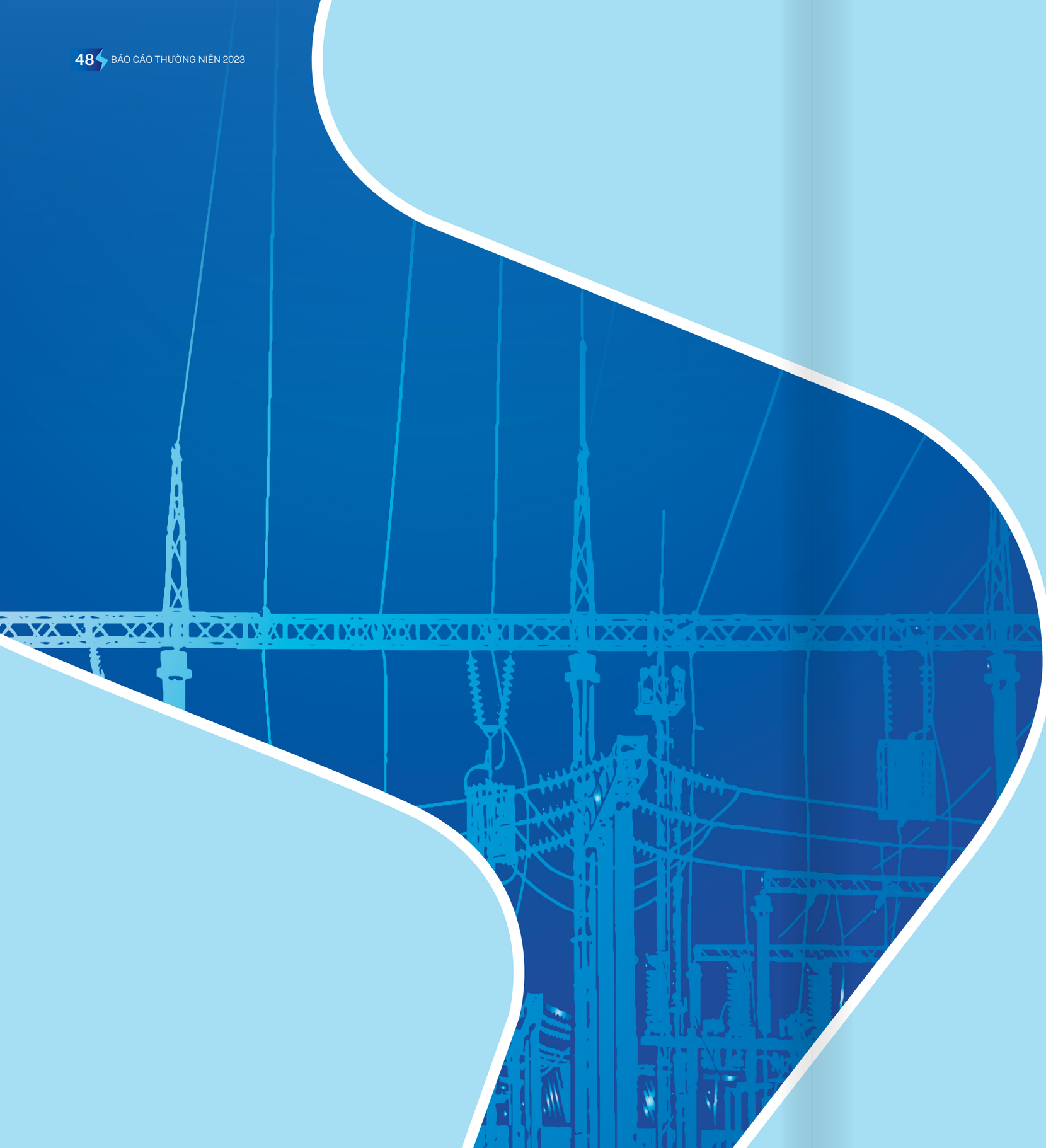

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP (tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2800799804 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 18 tháng 05 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 15 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 16 tháng 05 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 19, tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo như sau:

Ông Vũ Ngọc Tú	Chủ tịch	
Ông Phạm Văn Minh	Ủy viên	
Ông Trịnh Nguyên Khánh	Ủy viên	
Bà Nguyễn Thị Hà Ninh	Ủy viên	
Ông Nguyễn Việt Tiến	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 26 tháng 05 năm 2023)
Ông Trịnh Quốc Bình	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 26 tháng 05 năm 2023)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Văn Minh	Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Nguyên Khánh	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đinh Thị Hạnh	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Hồ Ngọc	Thành viên	
Bà Bùi Hải Yến	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 26 tháng 05 năm 2023)
Bà Phạm Thị Thu Phương	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 26 tháng 05 năm 2023)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Phạm Văn Minh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬp

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP được lập ngày 28 tháng 03 năm 2024, từ trang 6 đến trang 47, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh 01 trong Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính, trong đó mô tả khoản đầu tư vào Công ty TNHH Môi trường Ngôi Sao Xanh được thực hiện theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT ngày 09/08/2023 của Hội đồng quản trị về việc phê duyệt phương án đầu tư (theo ủy quyền Nghị quyết số 01/2023/NĐ-ĐHĐCĐ ngày 26/05/2023 của Đại hội đồng cổ đông) và hoàn thành vào ngày 13/10/2023. Đến ngày 15/01/2024, Công ty đã có Nghị quyết số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông về việc chấp thuận khoản đầu tư nêu trên.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Đỗ Mạnh Cường	Hoàng Đức Anh
Phó Tổng Giám đốc	Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề	Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0744-2023-002-1	kiểm toán số: 4876-2024-002-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	Tài sản	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023 (Đã điều chỉnh)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		727,501,319,624	637,942,037,840
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	200,542,401,246	25,872,127,251
111	1. Tiền		199,342,401,246	8,855,634,100
112	2. Các khoản tương đương tiền		1,200,000,000	17,016,493,151
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		16,000,000,000	-
123	1. Chứng khoán kinh doanh	4	16,000,000,000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		383,318,081,923	567,941,636,480
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	220,252,165,993	219,503,519,151
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	8,891,403,324	32,971,142,366
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	87,068,045,757	31,318,045,757
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	107,968,298,874	319,002,947,504
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(40,861,832,025)	(34,854,018,298)
140	IV. Hàng tồn kho	10	98,883,814,997	17,991,123,516
141	1. Hàng tồn kho		98,892,610,997	17,999,919,516
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(8,796,000)	(8,796,000)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		28,757,021,458	26,137,150,593
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	11,815,893,986	1,758,664,863
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		16,816,642,070	24,300,924,016
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	124,485,402	77,561,714
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3,786,228,552,963	2,764,914,631,963
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		501,118,462,400	203,040,346,500
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	501,118,462,400	203,040,346,500
220	II. Tài sản cố định		2,664,881,369,433	2,009,984,935,290
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	2,486,017,862,193	1,827,579,797,831
222	Nguyên giá		4,270,587,851,471	3,349,165,001,213
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1,784,569,989,278)	(1,521,585,203,382)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	178,863,507,240	182,405,137,459
228	Nguyên giá		221,818,442,843	221,818,442,843
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(42,954,935,603)	(39,413,305,384)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		376,163,741,056	316,876,827,505
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	376,163,741,056	316,876,827,505
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	4	12,252,679,426	732,000,000
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		1,695,014,132	-
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		732,000,000	732,000,000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(174,334,706)	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		241,812,300,648	234,280,522,668
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	25,181,626,293	21,751,705,778
269	2. Lợi thế thương mại	15	216,630,674,355	212,528,816,890
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		4,513,729,872,587	3,402,856,669,803

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	Tài sản	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023 (Đã điều chỉnh)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2,777,711,223,665	1,786,161,470,451
310	I. Nợ ngắn hạn		1,008,973,725,069	613,107,585,465
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	85,797,486,548	46,000,815,116
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		544,700,672	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	26,354,105,169	37,300,741,955
314	4. Phải trả người lao động		6,848,356,742	5,401,762,754
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	24,631,701,123	24,736,047,949
319	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	20	35,807,682,139	22,453,979,071
320	7. Phải trả ngắn hạn khác	16	817,779,314,263	473,024,559,226
321	8. Vay và nợ ngắn hạn		-	1,334,954,636
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		11,210,378,413	2,854,724,758
330	II. Nợ dài hạn		1,768,737,498,596	1,173,053,884,986
338	1. Vay và nợ dài hạn	20	74,361,512,590	90,000,000
	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16	1,694,375,986,006	1,172,963,884,986
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1,736,018,648,922	1,616,695,199,352
410	I. Vốn chủ sở hữu	*21*	1,736,018,648,922	1,616,695,199,352
411a	1. Vốn cổ phần		837,896,580,000	837,896,580,000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		837,896,580,000	837,896,580,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		5,940,175,148	5,940,175,148
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		406,967,473,649	29,589,351,149
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		4,258,537,955	-
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		204,854,646,970	475,813,753,518
42a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		75,331,591,440	71,024,661,850
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		129,523,055,530	404,789,091,668
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		276,101,235,200	267,455,339,537
440	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		4,513,729,872,587	3,402,856,669,803

Vương Hoàng Bảo Long	Nguyễn Văn Bình	Phạm Văn Minh
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2023

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	Chỉ Tiêu	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022 (Đã điều chỉnh)
01	**1. Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ**	23	**766,237,231,978**	**989,523,164,680**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	**3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**766,237,231,978**	**989,523,164,680**
11	**4. Giá vốn bán hàng**	24	**354,245,911,028**	**293,080,407,896**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**411,991,320,950**	**696,442,756,784**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	7,414,342,529	3,530,628,429
22	7. Chi phí tài chính	26	183,112,034,554	172,575,690,896
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*177,399,202,177*	*169,671,987,915*
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		**(788,612,947)**	-
25	9. Chi phí bán hàng		576,980,087	98,966,720
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	81,882,162,447	58,556,458,978
30	**11. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh**		**153,045,873,444**	468,742,268,619
31	12. Thu nhập khác	28	807,351,522	2,386,848,373
32	13. Chi phí khác	29	1,603,322,893	89,291,238
40	**14. Lợi nhuận khác**		**(795,971,371)**	**2,297,557,135**
50	**15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**152,249,902,073**	**471,039,825,754**
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30	15,665,080,422	27,057,587,495
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	**18. Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**136,584,821,651**	**443,982,238,259**
61	**19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ**		**122,457,901,425**	**404,789,091,668**
62	**20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát**		**14,126,920,226**	**39,193,146,591**
72	**21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	31	**1,461**	**4,831**

Vương Hoàng Bảo Long	Nguyễn Văn Bình	Phạm Văn Minh
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2023 (Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	Chỉ Tiêu	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022 (Đã điều chỉnh)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	***1. Lợi nhuận trước thuế***		**152,249,902,073**	**471,039,825,754**
	2. Điều chỉnh cho các khoản:			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		213,318,079,777	193,820,591,975
03	- Các khoản dự phòng		4,847,193,797	(733,748,511)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		464,668,752	-
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư		(6,117,676,182)	(3,602,883,865)
06	- Chi phí lãi vay		182,979,663,420	169,599,480,888
08	**3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**547,741,831,637**	**830,123,266,241**
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu		540,052,562,010	(188,088,640,228)
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho		(22,086,228,794)	1,380,209,889
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		25,763,511,634	(31,808,599,837)
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước		(7,801,854,769)	9,433,339,770
14	- Tiền lãi vay đã trả		(174,569,554,519)	(168,747,418,221)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(23,187,410,227)	(12,473,643,593)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5,899,053,552)	(5,569,598,044)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động sản xuất kinh doanh***		***880,013,803,420***	***434,248,915,977***
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(88,178,319,277)	(167,791,631,851)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		587,710,438	467,318,183
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(377,106,269,634)	(26,048,748,549)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		316,450,000,000	2,800,000,000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1,041,061,262,619)	-
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5,199,069,108	3,061,113,087
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		***(1,184,109,071,984)***	***(187,511,949,130)***
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ đi vay		1,567,677,238,230	555,661,313,638
33	2. Tiền trả nợ gốc vay		(1,069,100,368,671)	(815,751,502,228)
34	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(19,811,327,000)	(9,224,941,200)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**478,765,542,559**	**(269,315,129,790)**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**174,670,273,995**	**(22,578,162,943)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**25,872,127,251**	**48,450,290,194**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	3	**200,542,401,246**	**25,872,127,251**

Vương Hoàng Bảo Long	Nguyễn Văn Bình	Phạm Văn Minh
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP (tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2800799804 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 18 tháng 05 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 15 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 16 tháng 05 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 19, tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 837.896.580.000 VND, tương đương 83.789.658 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 771 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là: 203 người).

Hình thức sở hữu vốn

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: đầu tư xây dựng các dự án thủy điện; sản xuất, truyền tải và phân phối điện;...

Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động chính của Công ty là

- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện; sản xuất và kinh doanh điện năng; tư vấn xây lắp các công trình điện;
- Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng khác; xây dựng và kinh doanh nhà ở, văn phòng cho thuê;
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng; kinh doanh khách sạn, du lịch;
- Dịch vụ cho thuê, sửa chữa, bảo dưỡng xe máy, thiết bị;
- Kinh doanh thiết bị xây dựng; kinh doanh bất động sản;
- Xử lý nước thải, rác thải, bán điện.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT ngày 09/08/2023 của Hội đồng quản trị về việc phê duyệt phương án đầu tư (được ủy quyền Nghị quyết số 01/2023/NĐ-ĐHĐCĐ ngày 26/05/2023 của Đại hội đồng cổ đông), Công ty thực hiện huy động vốn và đầu tư vào Công ty TNHH Môi trường Ngôi Sao Xanh với tổng giá trị là 1.095.000.000.000 VND, việc mua khoản đầu tư được hoàn thành vào ngày 13/10/2023. Đến ngày 15/01/2024, Công ty đã có Nghị quyết số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông về việc chấp thuận khoản đầu tư nêu trên. Dẫn đến hầu hết các chỉ tiêu tài sản và nguồn vốn trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023 tăng mạnh so với tại ngày 01/01/2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

Năm 2023

Cấu trúc tập đoàn

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2023 gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng	Tầng 2, Khu nhà Quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá	51.00%	51.00%	Sản xuất, kinh doanh điện năng
Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh	Tầng 2, Khu nhà Quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá	51.00%	51.00%	Sản xuất, kinh doanh điện năng
Công ty TNHH Thủy điện Đak Robaye	Thôn Măng Đen, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum	100.00%	100.00%	Sản xuất, kinh doanh điện năng
Công ty TNHH Thủy điện Đak lô 4	Thôn 1, xã Ngok Tem, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum	100.00%	100.00%	Sản xuất, kinh doanh điện năng
Công ty TNHH MTV Nhà máy Thủy điện Thác Ba	Số 30 Nguyễn Bỉnh Khiêm, phường Phú Thủy, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	100.00%	100.00%	Sản xuất, kinh doanh điện năng
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La	Số 144 đường Trường Chinh, tổ 4, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La	82.76%	82.76%	Sản xuất, kinh doanh điện năng
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn	205A Nguyễn Xí, phường 26, quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh	43.08%	52.06%	Sản xuất, kinh doanh điện năng
Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	Tầng 19, tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội	99.50%	99.50%	Xây dựng và cơ điện
Công ty TNHH Môi trường Ngôi Sao Xanh	Thôn Đồng Sài, xã Phù Lãng, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	99.55%	99.55%	Xử lý nước thải, rác thải, bán điện

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY *(tiếp theo)*

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích của những chủ sở hữu không nắm quyền kiểm soát trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con.

2.4. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Thời gian phân bổ chi phí trả trước;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ (thời điểm công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát công ty con). Lãi mua rẻ (nếu có) sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ Công ty sẽ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

2.9. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh mua trong năm bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán "Hợp nhất kinh doanh" và "Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết".

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên doanh sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên doanh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY *(tiếp theo)*

2.9. Các khoản đầu tư tài chính *(tiếp theo)*

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.10. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được Công ty căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.11. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.12. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 35 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
Phương tiện vận tải	03 - 08 năm
Thiết bị văn phòng	03 - 07 năm
Các tài sản khác	03 - 25 năm
Quyền sử dụng đất	65 năm

2.13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.14. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.15. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả.

Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, Công ty thực hiện kế toán cho BCC, ghi nhận toàn bộ doanh thu, chi phí và lợi nhuận sau thuế của BCC trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của mình. Chi phí của BCC bao gồm cả khoản lợi nhuận cố định trả cho các bên khác tham gia BCC.

Công ty thực hiện kế toán cho BCC và có nghĩa vụ thay mặt các bên khác thực hiện nghĩa vụ của BCC với Ngân sách Nhà nước, thực hiện quyết toán thuế và phân bổ lại nghĩa vụ này cho các bên khác theo thỏa thuận của BCC.

2.16. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất;
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí nạo vét lòng hồ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm;
- Chi phí thuê văn phòng được phân bổ theo thời gian thuê;
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm.

2.17. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.18. Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.20. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả và các khoản chi phí phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.21. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.22. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.23. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.24. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay;
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh;
- Chi phí phát hành trái phiếu;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.25, Thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b. Chính sách ưu đãi thuế

Các Công ty đang được hưởng chính sách ưu đãi miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế từ hoạt động thủy điện và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo gồm:

- Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP;
- Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng;
- Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La;
- Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh.

c. Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Công ty được áp dụng các mức thuế suất thuế TNDN như sau:

- Thuế suất 10% đối với hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Thuế suất 20% đối với các hoạt động còn lại.

2.26. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.27 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.28. Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Tiền mặt	2,857,238,375	2,913,447,026
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	196,485,162,871	5,942,187,074
Các khoản tương đương tiền (*)	1,200,000,000	17,016,493,151
	200,542,401,246	**25,872,127,251**

(*) Tại ngày 31/12/2023, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành với lãi suất 1,6%/năm.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Xem chi tiết ở phụ lục 02

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Các bên liên quan	-	**8,155,684,881**
Công ty TNHH Công nghệ CRE Việt Nam	-	8,155,684,881
Bên khác	**220,252,165,993**	**211,347,834,270**
Công ty Mua bán điện	127,522,236,310	174,408,975,922
Công ty Cổ phần Công nghiệp xanh Hùng Phát	11,817,383,080	-
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	24,420,913,562	29,268,455,580
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	7,933,064,033	7,031,844,108
Công ty Cổ phần Môi trường Việt Xuân Mới	8,946,616,543	-
Phải thu các khách hàng khác	39,611,952,465	638,558,660
	220,252,165,993	**219,503,519,151**

6. PHẢI TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Các bên liên quan	-	**11,000,000,000**
Công ty TNHH Công nghệ CRE Việt Nam	-	11,000,000,000
Bên khác	**8,891,403,324**	**21,971,142,366**
Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT	-	2,184,000,000
B Fouress Private Limited	1,904,814,000	-
BQLDA Đầu tư Xây dựng huyện Kon Plông	1,031,705,264	14,250,704,000
Công ty TNHH Vina Taiyo Spring	2,003,936,413	-
Trả trước cho đối tượng khác	3,950,947,647	5,536,438,366
	8,891,403,324	**32,971,142,366**

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Xem chi tiết ở Phụ lục 02

8. PHẢI THU KHÁC

		31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
a. Ngắn hạn			
- Tạm ứng phục vụ hoạt động kinh doanh		9,779,031,672	10,345,825,511
- Tạm ứng thực hiện dự án	(1)	1,939,635,754	98,631,217,904
Bên liên quan		**1,939,635,754**	**98,631,217,904**
+ Ông Vũ Hà Nam		-	32,800,634,000
+ Ông Khúc Ngọc Hưng		1,939,635,754	46,330,583,904
+ Ông Phạm Quang Minh		-	19,500,000,000
- Ký cược, ký quỹ		10,456,719,600	55,291,634,000
Bên liên quan		**-**	**52,199,634,000**
+ Ông Khúc Ngọc Hưng		-	52,199,634,000
Bên khác		**10,456,719,600**	**3,092,000,000**
+ Các đối tượng khác		10,456,719,600	3,092,000,000
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay		2,684,605,334	469,515,342
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam	(2)	36,700,511,129	36,700,511,129
- Phải thu về hợp tác đầu tư với cá nhân		-	98,800,000,000
Bên liên quan		**-**	**98,800,000,000**
+ Bà Phạm Thu Huyền		-	98,800,000,000
- Công ty Cổ phần Tasco	(3)	5,000,000,000	5,000,000,000
- Công ty mua bán điện	(4)	6,625,793,673	6,625,793,673
- Phải thu về lỗ hợp tác kinh doanh (Thuyết minh 20)		27,738,426,503	-
- Thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát		968,000,000	1,217,200,001
- Phải thu khác		6,075,575,209	5,921,249,944
		107,968,298,874	**319,002,947,504**
b. Dài hạn			
- Ký cược, ký quỹ		501,118,462,400	203,040,346,500
Bên liên quan		-	104,389,746,500
+ Ông Vũ Hà Nam		-	104,389,746,500
Bên khác		**501,118,462,400**	**98,650,600,000**
+ Ông Vũ Ngọc Minh	(5)	500,000,000,000	-
+ Ông Đỗ Hoàng Dương		-	98,626,000,000
+ Các đối tượng khác		1,118,462,400	24,600,000
		501,118,462,400	**203,040,346,500**

8. PHẢI THU KHÁC *(tiếp theo)*

(1) Tạm ứng thực hiện Dự án Nhà máy Thủy điện Thác Ba (Thuyết minh 11).

(2) Khoản tiền Nhà nước hỗ trợ lãi suất sau đầu tư cho Dự án Thủy điện Cửa Đạt năm 2015 và 2016 thông qua Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo các Hợp đồng hỗ trợ sau đầu tư đã ký với Công ty. Theo Công văn số 306/N-HPT.SGDI-BL ngày 19/07/2022 của Ngân hàng Phát triển Việt Nam, khoản phải thu trên đang chờ Ngân sách nhà nước cấp bổ sung nguồn vốn để chi trả. Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty đang tiếp tục đôn đốc Ngân hàng Phát triển Việt Nam để thu hồi khoản công nợ này.

(3) Được thực hiện theo Thỏa thuận nguyên tắc về việc hợp tác đầu tư giữa Công ty và Công ty Cổ phần Tasco để thực hiện nghiên cứu, triển khai việc đầu tư phát triển các dự án năng lượng tái tạo tại Việt Nam.

(4) Phải thu về tiền chênh lệch tỷ giá theo Hợp đồng mua bán điện số 06/2012HĐ-NMĐ-Cửa Đạt và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 11 giữa Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Theo đó, Công ty được thanh toán phần chênh lệch tỷ giá đối với các khoản vay ngoại tệ để nhập khẩu thiết bị xây dựng nhà máy Thủy điện Cửa Đạt mà Công ty đã chi trả. Số dư tại ngày 31/12/2023 là tiền chênh lệch tỷ giá năm 2019 chờ được thanh toán.

(5) Khoản đặt cọc căn cứ theo Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng cổ phần giữa Công ty TNHH Môi trường Ngôi Sao Xanh (công ty con của Công ty) và ông Vũ Ngọc Minh về việc chuyển nhượng cổ phần tại các Công ty mà ông Vũ Ngọc Minh nắm giữ.

9. NỢ XẤU

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
- Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng nguồn điệnCác khoản tương đương tiền (*)	274,513,191	(274,513,191)	274,513,191	(274,513,191)
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
- Công ty Cổ phần Thiết bị và Xây dựng Tràng An	185,210,341	(185,210,341)	185,210,341	(185,210,341)
- Doanh nghiệp tư nhân Đức Chi	109,508,815	(109,508,815)	109,508,815	(109,508,815)
- UBND Mường La	4,788,000	(4,788,000)	4,788,000	(4,788,000)
- Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI Chi nhánh Hà Nội	120,000,000	(120,000,000)	120,000,000	(120,000,000)
Phải thu về cho vay				
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà	19,676,045,757	(5,902,813,727)	19,676,045,757	-
Phải thu khác				
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam	36,700,511,129	(34,000,000,000)	36,700,511,129	(34,000,000,000)
- Đối tượng khác	509,997,951	(264,997,951)	509,997,951	(159,997,951)
	57,580,575,184	**(40,861,832,025)**	**57,580,575,184**	**(34,854,018,298)**

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	6,731,867,224	-	-	-
Nguyên vật liệu	30,195,064,887	-	15,700,681,807	-
Công cụ, dụng cụ	180,542,797	-	1,410,605,151	-
Chi phí SXKD dở dang	843,816,430	-	859,312,558	-
Thành phẩm	1,618,177,860	-	-	-
Hàng hóa (*)	59,323,141,799	(8,796,000)	29,320,000	(8,796,000)
	98,892,610,997	**(8,796,000)**	**17,999,919,516**	**(8,796,000)**

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

		31/12/2023	01/01/2023
		VND	VND
Dự án Nhà máy Thủy điện Thác Ba	(1)	11,172,545,949	9,948,929,556
Dự án Thủy điện Đak Robaye	(2)	328,043,902,084	287,159,210,776
Dự án Thủy điện Đak lô 4	(3)	31,963,144,882	14,854,746,532
Dự án khác		4,984,148,141	4,913,940,641
		376,163,741,056	**316,876,827,505**

(1) Dự án Thủy điện Thác Ba theo Giấy chứng nhận đầu tư số 4474656452 cấp lần đầu ngày 26/09/2013, thay đổi lần thứ 3 ngày 12/07/2019:

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Nhà máy Thủy điện Thác Ba;
- Tên Dự án: Nhà máy Thủy điện Thác Ba;
- Mục tiêu: Đầu tư quy mô công suất 18 MW, sản lượng điện trung bình hàng năm 69,73 triệu Kwh;
- Địa chỉ: Xã La Dạ, huyện Hàm Thuận Bắc và xã Mỹ Thạnh, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận;
- Tổng vốn dự án: 537 tỷ VND;
- Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm;
- Tại thời điểm 31/12/2023: Dự án đang tiếp tục hoàn thiện hồ sơ pháp lý, các chi phí đang theo dõi là các chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn.

(2) Dự án thủy điện Đak Robaye theo Quyết định số 1030/QĐ-UBND cấp lần đầu ngày 26/09/2019, thay đổi lần thứ 1 ngày 19/03/2021:

- Tên dự án: Nhà máy thủy điện Đak Robaye;
- Mục tiêu dự án: Phát điện lưới điện quốc gia với sản lượng hàng năm 36.640.000 kwh;
- Quy mô công suất lắp máy 10 MW;
- Địa chỉ: xã Ngok Tem, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum và xã Sơn lập, huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi;
- Tổng vốn dự án: 359.477.139.000 VND;
- Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm.
- Tại thời điểm 31/12/2023, dự án đang hoàn thiện những hạng mục cuối để chuẩn bị đi vào hoạt động

(3) Dự án Thủy điện Đak Lô 4 theo Quyết định chủ trương đầu tư số 1134/QĐ-UBND ngày 16/11/2020:

- Tên Dự án: Công trình Thủy điện Đak Lô 4;
- Địa điểm xây dựng: Trên suối Nước Lò thuộc xã Ngọc Tem, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum;
- Mục đích xây dựng: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Chủ đầu tư: Công trình TNHH Thủy điện Đak Lô 4;
- Quy mô công suất thiết kế: 10MW;
- Tổng vốn đầu tư: 373.132.000.000 VND;
- Thời gian hoạt động của dự án: 50 năm;
- Tại thời điểm 31/12/2023: Dự án đang triển khai đến giai đoạn hoàn thành giải phóng mặt bằng, hoàn thiện hồ sơ để nhận Quyết định giao đất từ UBND tỉnh Kon Tum.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Xem chi tiết Phụ lục 03

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất bao gồm:

- Nguyên giá 200.000.000.000 VND là chi phí đền bù giải phóng mặt bằng tại thửa đất số 24, 25 tờ bản đồ số 176 xã Vạn Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa (được sử dụng để xây dựng nhà máy thủy điện) có thời gian sử dụng đất đến ngày 10/08/2075.
- Nguyên giá 20.102.996.170 VND là chi phí đền bù giải phóng mặt bằng còn lại tại xã Xuân Cẩm, Xuân Cao, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa (thuộc nhà máy thủy điện Xuân Minh) sau khi bù trừ tiền thuê đất (Thuyết minh 14) theo Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014.
- Nguyên giá 1.715.446.673 VND là chi phí đền bù giải phóng mặt bằng dự án di dời các hộ sạt lở tại Vụng Láu, thôn Tiến Sơn 1, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa (thuộc nhà máy thủy điện Xuân Minh) theo Quyết định số 3293/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện Thường Xuân về việc phê duyệt dự toán bồi thường giải phóng mặt bằng dự án di dời các hộ sạt lở tại Vụng Láu, thôn Tiến Sơn 1, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 19.638.940.569 VND.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	3,276,767,656	704,682,208
- Chi phí bảo hiểm	2,447,307,846	332,512,639
- Thiết bị và phần mềm quan trắc	-	172,414,528
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	729,780,000	348,713,822
- Chi phí bản quyền phần mềm	5,056,095,219	-
- Các khoản khác	305,943,265	200,341,666
	11,815,893,986	**1,758,664,863**
Dài hạn		
- Chi phí cải tạo mặt bằng	4,356,878,114	-
- Chi phí thuê văn phòng	-	1,618,388,580
- Chi phí thuê đất (*)	4,613,252,384	4,723,970,441
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	8,185,906,394	4,483,960,613
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	1,247,939,374	4,523,842,450
- Chi phí nạo vét lòng hồ	1,818,462,752	4,856,017,916
- Chi phí sửa chữa hạng mục nhà máy	2,554,948,729	-
- Các khoản khác	2,404,238,546	1,545,525,778
	25,181,626,293	**21,751,705,778**

(*) Mảnh đất Công ty thuê tại huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa để sử dụng với mục đích phục vụ cho công trình Thủy điện Xuân Minh với thời hạn thuê đến tháng 8 năm 2065. Diện tích khu đất thuê là 179.296,3 m2. Số dư cuối năm là số chi phí giải phóng mặt bằng được cơ quan thuế chấp nhận bù trừ với tiền thuê đất hàng năm theo Công văn số 2825/CT-TTHT ngày 21/06/2019 của Cục thuế tỉnh Thanh Hóa, và sau khi đã được phân bổ 89 tháng. Tổng thời gian phân bổ là 589 tháng, thời gian phân bổ còn lại là 500 tháng.

15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Công ty TNHH Môi trường Ngôi Sao Xanh	Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La	Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn	Tổng cộng
		VND	VND	VND
Nguyên giá				
- Số dư đầu năm	-	179,419,450,350	89,113,335,943	268,532,786,293
- Giá trị lợi thế thương mại phát sinh trong năm	31,748,857,532	-	-	31,748,857,532
Số dư cuối năm	**31,748,857,532**	**179,419,450,350**	**89,113,335,943**	**300,281,643,825**
Số dư phân bổ lũy kế				
- Số dư đầu năm	-	46,350,024,676	9,653,944,727	56,003,969,403
- Số phân bổ trong năm	793,721,438	17,941,945,035	8,911,333,594	27,647,000,067
Số dư cuối năm	**793,721,438**	**64,291,969,711**	**18,565,278,321**	**83,650,969,470**
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	-	133,069,425,674	79,459,391,216	212,528,816,890
Số dư cuối năm	**30,955,136,094**	**115,127,480,639**	**70,548,057,622**	**216,630,674,355**

16. VAY

Xem chi tiết Phụ lục 04

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Các bên liên quan	**10,138,570,384**	**-**
- Công ty TNHH Công nghệ CRE Việt Nam	10,138,570,384	-
Bên khác	**75,658,916,164**	**46,000,815,116**
- Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Toàn Thắng	1,435,342,845	6,770,749,305
- Công ty TNHH Chosun Refractories Eng Co, Ltd	12,930,961,375	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Sông Đà Hòa Bình	9,301,941,615	6,367,376,178
- Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 3	6,359,245,752	5,876,369,919
- Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Sản xuất Minh Tiến	2,078,157,600	-
- Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP	3,050,575,482	3,501,603,051
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Đầu tư Everest	1,745,283,377	3,445,283,377
- Công ty TNHH Giải pháp và Thiết bị Công nghiệp	1,318,953,104	2,940,826,358
- Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT	1,481,394,000	-
- Công ty TNHH Công nghệ Chính xác Fuyu	3,475,967,200	-
- Công ty TNHH Si Flex Việt Nam	3,773,224,238	-
- Công ty Cổ phần Giải pháp Năng lượng Vines Hà Tĩnh	3,405,294,319	-
- Phải trả các đối tượng khác	25,302,575,257	17,098,606,928
	85,797,486,548	**46,000,815,116**

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Xem chi tiết Phụ lục 05

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2023 VND	01/01/2023 (Đã điều chỉnh) VND
- Chi phí lãi vay	22,455,605,101	19,324,807,995
- Phải trả tiền lãi thi hành án (*)	-	4,234,039,719
- Chi phí phải trả khác	2,176,096,022	1,177,200,235
	24,631,701,123	24,736,047,949
Trong đó: Bên liên quan		
- Ông Vũ Tuấn Cường	2,425,006,145	609,212,876
- Ông Vũ Hà Nam	-	4,801,234
	2,425,006,145	**614,014,110**

(*) Khoản phải trả tiền lãi thi hành án theo Thông báo số 11542/CTHADS ngày 13/07/2023 của Cục Thi hành án Dân sự thành phố Hồ Chí Minh về việc thông báo nghĩa vụ thi hành án cho Công ty CP Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn (Công ty con của Công ty). Khoản phạt lãi nộp chậm của số tiền 50 tỷ VND đã nộp vào Ngân sách Nhà nước trong năm 2022 được tính từ ngày 02/12/2021 đến ngày 04/10/2022. Theo đó, 415.000.000 VND tiền lãi liên quan đến giai đoạn trước năm 2022 đã được phản ánh vào Chỉ tiêu 421a "LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước" và 3.819.039.719 VND tiền lãi được hồi tố vào năm 2022 (Thuyết minh 26).

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	676,446,722	325,350,200
- Bảo hiểm xã hội	8,778,000	121,706,352
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	30,017,000,000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	5,105,457,417	22,006,922,519
+ Cổ tức phải trả	4,348,893,564	18,731,100,564
+ Phí dịch vụ môi trường rừng phải trả Quỹ bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam	127,735,781	2,237,340,565
+ Thuế tài nguyên nước	-	483,524,895
+ Phải trả, phải nộp khác về thù lao HĐQT, Ban KS	134,233,547	50,040,000
+ Phải trả ngắn hạn khác	494,594,525	504,916,495
	35,807,682,139	**22,453,979,071**
Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	90,000,000	90,000,000
- Góp tiền hợp tác kinh doanh	74,271,512,590	-
+ Chosun Refractories Eng Co., Ltd	74,271,512,590	-
	74,361,512,590	**90,000,000**

(i) Trong đó, khoản nhận đặt cọc theo hợp đồng giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La và Công ty Cổ phần Năng lượng Dầu khí Toàn cầu về việc chia sẻ quyền sở hữu tài sản là đường dây 110KV từ Nhà máy Thủy điện Nậm La đến Trạm biến áp 220KV Sơn La nằm trên vị trí từ cột số 15 đến Trạm biến áp 220KV Sơn La, ngăn lộ tại Trạm biến áp 220KV, giá trị là 30.000.000.000 VND.

(ii) Hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án đầu tư xây dựng lò đốt rác phát điện giữa Công ty TNHH Môi trường Ngôi Sao Xanh và Công ty TNHH Chosun Refractories Eng ngày 05/10/2018, với tổng số vốn đầu tư là 8.000.000 USD. Trong đó, Công ty TNHH Môi trường Ngôi Sao Xanh góp vốn 4.800.000 USD, Công ty TNHH Chosun Refractories Eng góp vốn 3.200.000 USD. Thời hạn của hợp đồng góp vốn dự án là 15 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu (17/12/2019). Lợi nhuận được chia theo tỷ lệ góp vốn đầu tư.

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Xem chi tiết Phụ lục 06

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2023 VND	Tỉ lệ %	01/01/2023 VND	Tỉ lệ %
- Công ty Cổ phần Đầu tư VSD	159,250,010,000	19.01	159,250,010,000	19.01
- Bà Phạm Thu Huyền	142,544,800,000	17.01	142,544,800,000	17.01
- Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	59,284,690,000	7.07	59,284,690,000	7.07
- Ông Đỗ Tuấn Anh	72,807,800,000	8.69	40,201,700,000	4.80
- Ông Lê Quốc Hương	36,452,770,000	4.35	49,002,770,000	5.85
- Ông Vũ Hà Nam	48,461,700,000	5.78	41,647,800,000	4.97
- Ông Vũ Tuấn Cường	38,132,650,000	4.55	48,024,650,000	5.73
- Ông Đỗ Hoàng Dương	35,774,170,000	4.27	40,534,170,000	4.84
- Các cổ đông khác	245,187,990,000	29.27	257,405,990,000	30.72
	837,896,580,000	**100.00**	**837,896,580,000**	**100.00**

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- *Vốn góp đầu năm*	837,896,580,000	752,398,790,000
- *Vốn góp tăng trong năm*	-	85,497,790,000
- *Vốn góp cuối năm*	837,896,580,000	837,896,580,000
Cổ tức, lợi nhuận		
- *Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm*	18,731,100,564	18,401,041,764
- *Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm*	5,429,120,000	95,052,790,000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia bằng tiền	5,429,120,000	9,555,000,000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia bằng cổ phiếu	-	85,497,790,000
- *Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền*	(19,811,327,000)	(9,224,941,200)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(19,811,327,000)	(9,224,941,200)
- *Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng cổ phiếu*	-	(85,497,790,000)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	(85,497,790,000)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	**4,348,893,564**	**18,731,100,564**

d. Cổ phiếu

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	83,789,658	83,789,658
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	83,789,658	83,789,658
- *Cổ phiếu phổ thông*	83,789,658	83,789,658
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	83,789,658	83,789,658
- *Cổ phiếu phổ thông*	83,789,658	83,789,658
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10,000	10,000

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU *(tiếp theo)*

e. Các quỹ của công ty

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Quỹ đầu tư phát triển	406.967.473.649	29.589.351.149
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	4.258.537.955	-
	406.967.473.649	**29.589.351.149**

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT HOẠT ĐỘNG

Tài sản cho thuê ngoài

Công ty con của Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2023, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Từ 1 năm trở xuống	1.188.000.000	1.188.000.000

Tài sản thuê ngoài

Địa điểm	Mục đích thuê	Diện tích (m2)	Đơn giá thuê (VND/tháng)	Thời gian thuê
Tầng số 19, tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội- Ông Đỗ Tuấn Anh	Sử dụng làm văn phòng làm việc	614.00	250.512.000	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2028
Số 838, tờ bản đồ số 29, Xã Xuân Cẩm, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xây dựng Khu nhà ở cán bộ công nhân viên vận hành Nhà máy Thủy điện Cửa Đạt	28,962.90	Miễn tiền thuê đất	Từ 23/10/2009 đến 23/10/2059
Khu đất tại xã Xuân Cẩm, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xây dựng Khu nhà ở cán bộ công nhân viên vận hành Nhà máy Thủy điện Cửa Đạt	124,042.20	4.320.803	Từ 01/07/2016 đến 04/08/2065
Khu đất tại xã Xuân Cao, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa		55,254.10	2.357.508	Từ 01/07/2016 đến 04/08/2065

Ngoài ra, các công ty con của Công ty thuê đất và văn phòng làm việc theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2023, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau::

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Từ 1 năm trở xuống	3.275.745.395	3.275.745.395

Ngoại tệ các loại	Ký hiệu	31/12/2023	01/01/2023
Đô la Mỹ	USD	-	66.22

23. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Doanh thu bán điện	615.978.730.191	979.910.568.288
Doanh thu bán hàng hóa	72.777.283.396	506.000.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	75.991.455.090	6.328.526.959
Doanh thu hợp đồng xây lắp	-	2.778.069.433
Doanh thu khác	1.489.763.301	-
	766.237.231.978	**989.523.164.680**
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan		**2.681.410.116**
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)		

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn bán điện	240.194.900.422	287,679.711.348
Giá vốn của hàng hóa đã bán	70.123.539.611	475.440.000
Giá vốn cung cấp dịch vụ	43.331.878.493	2.055.804.558
Giá vốn của hợp đồng xây lắp	-	2.869.451.990
Giá vốn khác	595.592.502	-
	354.245.911.028	**293.080.407.896**

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.414.159.100	3.530.628.429
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	183.429	-
	7.414.342.529	**3.530.628.429**
Trong đó: Doanh thu tài chính nhận từ các bên liên quan	**3.284.553.932**	**1.785.561.979**
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)		

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền vay	177.399.202.177	165.852.948.196
Lãi thi hành án (Thuyết minh 19*)	-	3.819.039.719
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	5.202.483	10.918.800
Hoàn nhập dự phòng phải trả lãi chậm nộp	(511.834.807)	(853.748.511)
Dự phòng tổn thất đầu tư	174.334.706	-
Chi phí phát hành trái phiếu	5.580.461.243	3.746.532.692
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối năm	464.668.752	-
	183.112.034.554	**172.575.690.896**
Trong đó: Chi phí tài chính đối với các bên liên quan	**7.740.755.913**	**10.626.990.641**
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)		

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	543.563.486	-
Chi phí nhân công	17. 206.221.805	18.942.945.548
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	3.265.013.504	3.031.392.972
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.483.304.247	788.987.228
Thuế, phí, và lệ phí	490.633.119	159.216.146
Lợi thế thương mại	27.647.000.067	26.698.633.871
Chi phí dự phòng	6.007.813.727	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.010.607.378	3.635.717.054
Chi phí khác bằng tiền	7.228.005.114	5.299.566.159
	81.882.162.447	**58.556.458.978**

28. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thu nhập từ bán chứng chỉ năng lượng quốc tế IREC	693.509.222	731.654.595
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	81.700.631	88.636.368
Thu nhập từ thanh lý vật tư phế liệu	-	65.000.000
Thu nhập khác	32.141.669	1.501.557.410
	807.351.522	**2.386.848.373**

29. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá trị còn lại và chi phí từ thanh lý tài sản cố định	589.570.602	16.380.932
Các khoản bị phạt	857.667.638	37.510.020
Chi phí khác	156.084.653	35.400.286
	1.603.322.893	**89.291.238**

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	8.997.324.636	19.279.814.290
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại các Công ty con	6.667.755.786	7.777.773.205
- Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng	289.213.367	472.149.567
- Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La	5,390,435.110	2.662.803.395
- Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn	-	3.158.181.581
- Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh	825.758.916	1.349.179.398
- Công ty TNHH MTV Nhà máy Thủy điện Thác Ba	-	17.727.274
- Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	162.348.393	117.731.990
Tổng Chi phí thuế TNDN hiện hành	**15.665.080.422**	**27.057.587.495**

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	122.457.901.425	404.789.091.668
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	122.457.901.425	404.789.091.668
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	83.789.658	83.789.658
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**1.461**	**4.831**

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

32. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.522.158.434	15.223.050.536
Chi phí nhân công	46.704.951.823	54.070.210.927
Chi phí khấu hao TSCĐ	213.318.079.777	193.820.591.975
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.342.377.327	61.493.226.920
Chi phí khác bằng tiền	29.296.628.322	26.795.383.830
	368.184.195.683	**351.402.464.188**

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải rủi ro thị trường như: biến động về tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỉ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

	Từ 1 năm trở xuống VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2023			
Tiền và các khoản tương đương tiền	197.685.162.871	-	197.685.162.871
Phải thu khách hàng, phải thu khác	293.680.953.725	501.118.462.400	794.799.416.125
Các khoản cho vay	97.165.232.030	-	97.165.232.030
	588.531.348.626	**501.118.462.400**	**1.089.649.811.026**
Tại ngày 01/01/2023			
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.958.680.225	-	22.958.680.225
Phải thu khách hàng, phải thu khác	504.071.955.513	203.040.346.500	707.112.302.013
Các khoản cho vay	31.318.045.757	-	31.318.045.757
	558.348.681.495	**203.040.346.500**	**761.389.027.995**

Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2023			
Vay và nợ	817.779.314.263	1.694.375.986.006	2.512.155.300.269
Phải trả người bán, phải trả khác	121.605.168.687	74.361.512.590	195.966.681.277
Chi phí phải trả	24.631.701.123	-	24.631.701.123
	964.016.184.073	**1.768.737.498.596**	**2.732.753.682.669**
Tại ngày 01/01/2023			
Vay và nợ	473.024.559.226	1.172.963.884.986	1.645.988.444.212
Phải trả người bán, phải trả khác	68.454.794.187	90.000.000	68.544.794.187
Chi phí phải trả	24.736.047.949	-	24.736.047.949
	566.215.401.362	**1.173.053.884.986**	**1.739.269.286.348**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34.THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
a. Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	1.567.677.238.230	555.661.313.638
b. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	522.800.368.671	595.751.502.228
Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường	546.300.000.000	220.000.000.000

c. Mua công ty con trong năm báo cáo

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tổng giá trị mua công ty con trong năm	1.095.000.000.000	-
Phần giá trị mua công ty con được thanh toán bằng tiền và các khoản tương đương tiền	1.095.000.000.000	-
Số tiền và các khoản tương đương tiền thực có trong công ty con được mua	53.938.737.381	-
Phần giá trị tài sản (tổng hợp theo từng loại tài sản) không phải là tiền và các khoản tương đương tiền và nợ phải trả trong công ty con được mua trong năm	1,041.061.262.619	-

35. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

36. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh:

Xem chi tiết Phụ lục 07.

Theo khu vực địa lý:

Xem chi tiết Phụ lục 08.

37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Công nghệ CRE Việt Nam	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà	Cùng Thành viên HĐQT với Công ty con (Không còn là bên liên quan từ 26/04/2023)
Công ty Cổ phần Đầu tư VSD	Cổ đông lớn
Ông Vũ Tuấn Cường	Cổ đông lớn
Ông Lê Quốc Hương	Cổ đông lớn
Bà Phạm Thu Huyền	Cổ đông lớn
Ông Vũ Hà Nam	Cổ đông lớn/Tổng Giám đốc Công ty con
Ông Vũ Ngọc Tú	Chủ tịch HĐQT
Ông Phạm Văn Minh	Ủy viên HĐQT/Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Tiến	Ủy viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 26/05/2023)
Ông Trịnh Quốc Bình	Ủy viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 26/05/2023)
Ông Trịnh Nguyên Khánh	Ủy viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hà Ninh	Ủy viên HĐQT
Bà Đinh Thị Hạnh	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Hồ Ngọc	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Bùi Hải Yến	Thành viên Ban Kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 26/05/2023)
Bà Phạm Thị Thu Phương	Thành viên Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 26/05/2023)
Ông Khúc Ngọc Hưng	Phó Giám đốc Ban Kinh tế đầu tư

37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN *(tiếp theo)*

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	**2.681.410.116**
- Công ty TNHH Công nghệ CRE Việt Nam	-	2.681.410.116
Doanh thu hoạt động tài chính	**3.284.553.932**	**1.785.561.979**
- Ông Vũ Tuấn Cường	2.131.814.206	-
- Ông Lê Quốc Hương	1.152.739.726	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà	-	1.785.561.979

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí tài chính	**7.740.755.913**	**10.626.990.641**
- Ông Vũ Tuấn Cường	7.689.987.000	10.576.485.085
- Ông Vũ Hà Nam	50.768.913	-
- Ông Vũ Ngọc Tú	-	50.505.556
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	**19.505.850.000**
- Bà Phạm Thu Huyền	-	14.545.390.000
- Ông Vũ Tuấn Cường	-	4.960.460.000

Thu nhập của người quản lý chủ chốt

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Ông Vũ Ngọc Tú	120.000.000	60.000.000
- Ông Phạm Văn Minh	1.742.475.000	1.548.960.000
- Ông Trịnh Quốc Bình	20.000.000	48.000.000
- Ông Trịnh Nguyên Khánh	407.900.000	178,777.777
- Bà Nguyễn Thị Hà Ninh	107.096.774	62.000.000
- Ông Nguyễn Việt Tiến	28.000.000	-
- Bà Đinh Thị Hạnh	144.000.000	36.000.000
- Ông Nguyễn Hồ Ngọc	112.000.000	24.000.000
- Bà Bùi Hải Yến	14.000.000	-
- Bà Phạm Thị Thu Phương	19.548.387	31.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

38. SO SÁNH SỐ LIỆU

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm trước VND	Số liệu điều chỉnh lại VND	Chênh lệch VND	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán hợp nhất					
- Phải thu ngắn hạn khác	136	322.008.114.915	319.002.947.504	(3.005.167.411)	(1)
- Hàng tồn kho	141	19.032.624.808	17.999.919.516	(1.032.705.292)	(2)
- Chi phí trả trước ngắn hạn	151	1.083.700.590	1.758.664.863	674.964.273	(2)
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	37.372.300.149	37.300.741.955	(71.558.194)	(2)
- Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20.502.008.230	24.736.047.949	4.234.039.719	(3)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	74.566.674.626	71.024.661.850	(3.542.012.776)	(4)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	408.772.468.847	404.789.091.668	(3.983.377.179)	(5)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất					
- Giá vốn hàng bán	11	292.844.512.242	293.080.407.896	235.895.654	(2)
- Chi phí tài chính	22	168.756.651.177	172.575.690.896	3,819.039.719	(3)
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27.129.145.689	27.057.587.495	(71.558.194)	(2)
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	447.965.615.438	443.982.238.259	(3.983.377.179)	(5)
- Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	60	408.772.468.847	404.789.091.668	(3.983.377.179)	(5)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất					
- Lợi nhuận trước thuế	01	475.094.761.127	471.039.825.754	4.054.935.373	(5)
- Tăng/giảm các khoản phải trả	11	(35.627.639.556)	(31.808.599.837)	3.819.039.719	(3)
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12	9.197.444.116	9.433.339.770	(235.895.654)	(2)

Nguyên nhân thực hiện điều chỉnh do:

(1) Công ty mẹ điều chỉnh khoản phải thu về chênh lệch tỷ giá;

(2) Công ty con điều chỉnh hồi tố do phân loại lại công cụ dụng cụ đã xuất dùng;

(3) Công ty con điều chỉnh hồi tố khoản tiền lãi thi hành án các năm trước theo Thông báo số 11542/CTHADS ngày 13/07/2023 của Cục Thi hành án Dân sự thành phố Hồ Chí Minh;

(4) Ảnh hưởng do điều chỉnh nội dung (1), (2), (3);

(5) Ảnh hưởng do điều chỉnh nội dung (2), (3).

Vương Hoàng Bảo Long	Nguyễn Văn Bình	Phạm Văn Minh
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Phụ lục 01: CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

'Tại 31/12/2023, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng có giá trị 16.000.000.000 VND, được gửi tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất 6,2%/năm.

Đầu tư vào công ty liên doanh

	31/12/2023		
	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu
		%	VND
Công ty TNHH Công nghệ Cre Việt Nam	49,77	50,00	1.695.014.132
			1.695.014.132

'Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2023			01/01/2023		
	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết
	VND	VND	%	VND	VND	%
Công ty Cổ phần Viwaseen 6	732.000.000	(174.334.706)	4,00	732.000.000	-	4,00
	732.000.000	**(174.334.706)**		**732.000.000**	**-**	

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về công ty nhận đầu tư của Công ty vào ngày 31/12/2023 như sau:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Viwaseen 6	Hà Nội	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
Công ty TNHH Công nghệ Cre Việt Nam	Bắc Ninh	Lĩnh vực xử lý môi trường

Phụ lục 02: PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

		01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
		Giá trị	Dự phòng	Tăng	Giảm	Giá trị	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan		**19.676.045.757**	**-**	**335.000.000.000**	**310.000.000.000**	**44.676.045.757**	**(5.902.813.727)**
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà	(1)	19.676.045.757	-	-	-	19.676.045.757	(5.902.813.727)
- Ông Vũ Tuấn Cường		-	-	310.000.000.000	310.000.000.000	-	-
- Ông Lê Quốc Hương	(2)	-	-	25.000.000.000	-	25.000.000.000	-
Bên khác		**11.642.000.000**	**-**	**37.200.000.000**	**6.450.000.000**	**42.392.000.000**	**-**
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà Hoà Bình	(3)	11.642.000.000	-	1.500.000.000	4.450.000.000	8.692.000.000	-
- Công ty TNHH Thủy điện Đak Lô 1-3	(4)	-	-	700.000.000	-	700.000.000	-
- Cho cá nhân vay	(5)	-	-	35.000.000.000	2.000.000.000	33.000.000.000	-
		31.318.045.757	-	**372.200.000.000**	**316.450.000.000**	**87.068.045.757**	**(5.902.813.727)**

Thông tin chi tiết về các khoản cho vay như sau:

STT	Hợp đồng cho vay	Mục đích cho vay	Lãi suất cho vay	Thời hạn cho vay	Hình thức đảm bảo	31/12/2023	01/01/2023
						VND	VND
(1)	Hợp đồng số 01-2020/TĐNL-XLSĐ và các phụ lục hợp đồng	Bổ sung vốn lưu động	9,6%/năm	12 tháng	Tín chấp	8.021.063.694	8.021.063.694
	Hợp đồng số 02-2021/TĐNL-XLSĐ và các phụ lục hợp đồng	Bổ sung vốn lưu động	9,6%/năm	12 tháng	Tín chấp	11.654.982.063	11.654.982.063
(2)	Hợp đồng số 10A/2023/HĐTD-SMA	Phục vụ mục đích cá nhân	11,0%/năm	12 tháng	Tài sản của bên thứ ba (*)	25.000.000.000	-
(3)	Các hợp đồng cho vay ngắn hạn	Bổ sung vốn lưu động	Từ 5,0%/năm đến 9,0%/năm	Từ 06 tháng đến 12 tháng	Tín chấp	8.692.000.000	11.642.000.000
(4)	Hợp đồng số 03/2023/CT-HĐKT	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng cơ bản	9,0%/năm	12 tháng	Tín chấp	700.000.000	-
(5)	Các hợp đồng vay ngắn hạn	Phục vụ mục đích cá nhân	11,0%/năm	12 tháng	Tài sản của bên thứ ba (*)	33.000.000.000	-
						87.068.045.757	**31.318.045.757**

(*) Tài sản đảm bảo của bên thứ ba là Quyền sở hữu toàn bộ Hợp đồng vay tiền số 23/2022/HĐTD-VCP ký ngày 13/06/2022 trị giá 104.000.000.000 VND giữa Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP & ông Vũ Tuấn Cường và Phụ lục hợp đồng số 04-23/2022/HĐTD-VCP ngày 19/01/2023. Các tài sản này được quy định theo hợp đồng đảm bảo tài sản của bên thứ ba số 01/2023/HĐĐB và 02/2023/HĐĐB ngày 31/07/2023.

Phụ lục 03: TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	1.796.232.433.725	1.328.695.250.085	134.812.208.117	2.762.287.779	86.662.821.507	3.349.165.001.213
- Mua trong năm	-	163.500.000	18.638.530.089	39.843.636	2.556.315.000	21.398.188.725
- Đầu tư XDCB hoàn thành	8.269.916.214	-	-	-	-	8.269.916.214
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	427.994.133.090	387.322.373.479	73.637.519.471	-	7.447.217.898	896.401.243.938
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(4.646.498.619)	-	-	(4.646.498.619)
Số dư cuối năm	**2.232.496.483.029**	**1.716.181.123.564**	**222.441.759.058**	**2.802.131.415**	**96.666.354.405**	**4.270.587.851.471**
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	643.705.616.154	765.158.646.220	77.286.623.399	2.483.845.515	32.950.472.094	1.521.585.203.382
- Khấu hao trong năm	69.910.967.775	90.474.060.186	17.962.359.049	125.953.115	3.756.109.373	182.229.449.498
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	33.026.044.477	30.467.232.105	19.091.506.629	-	1.721.471.397	84.306.254.608
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.550.918.210)	-	-	(3.550.918.210)
Số dư cuối năm	**746.642.628.406**	**886.099.938.511**	**110.789.570.867**	**2.609.798.630**	**38.428.052.864**	**1.784.569.989.278**
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	1.152.526.817.571	563.536.603.865	57.525.584.718	278.442.264	53.712.349.413	1.827.579.797.831
Tại ngày cuối năm	**1.485.853.854.623**	**830.081.185.053**	**111.652.188.191**	**192.332.785**	**58.238.301.541**	**2.486.017.862.193**

-Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 1.514.808.697.346 VND;

-Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 7.694.439.570 VND.

Phụ lục 04: VAY

		01/01/2023	Trong năm			31/12/2023
		Giá trị	Tăng do hợp nhất kinh doanh	Tăng	Giảm	Giá trị
		VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn		87.921.520.882	71.351.791.288	305.700.522.978	240.567.938.918	224.405.896.230
- Vay cá nhân	(1)	20.156.661.643	-	6.588.193.669	25.180.687.039	1.564.168.273
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Hội sở	(2)	17.602.897.953	-	17.816.718.476	35.419.616.429	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	(3)	12.957.123.429	53.383.303.962	88.050.905.547	76.500.231.795	77.891.101.143
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam		36.227.957.686	17.968.487.326	93.244.705.286	102.490.523.484	44.950.626.814
+ Chi nhánh Hà Thành	(4)	36.227.957.686	-	75.670.499.662	86.868.091.703	25.030.365.645
+ Chi nhánh Bắc Ninh	(5)	-	17.968.487.326	17.574.205.624	15.622.431.781	19.920.261.169
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn		976.880.171	-	-	976.880.171	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư An Lạc	(6)	-	-	100.000.000.000	-	100.000.000.000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả		385.103.038.344				
- Vay cá nhân	(7)	-	42.000.000.000	650.409.132.313	484.138.752.624	593.373.418.033
- Ông Vũ Tuấn Cường	(8)	-	-	112.856.313.875	-	112.856.313.875
- Công ty TNHH Thủy điện Đak Lô 1-3	(9)	-	-	133.243.129.570	-	133.243.129.570
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long	(10)	34.385.285.316	-	6.000.000.000	-	6.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam		32.700.000.000	-	34.385.285.316	34.385.285.316	34.385.285.316
+ Chi nhánh Hà Thành	(11)	32.700.000.000	-	31.920.000.000	32.700.000.000	31.920.000.000
+ Chi nhánh Sóc Sơn	(12)	-	-	27.920.000.000	32.700.000.000	27.920.000.000
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam		58.800.000.000	-	4.000.000.000	-	4.000.000.000
+ Chi nhánh Sơn La	(13)	4.800.000.000	-	6.000.000.000	58.800.000.000	6.000.000.000
+ Chi nhánh Bình Dương, Bình Phước		54.000.000.000	-	6.000.000.000	4.800.000.000	6.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam		-	-	-	54.000.000.000	-
+ Chi nhánh Lạng Sơn	(14)	-	42.000.000.000	86.000.000.000	52.000.000.000	76.000.000.000
+ Chi nhánh Hoàn Kiếm	(15)	-	-	36.000.000.000	10.000.000.000	26.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Điện Biên Phủ		-	42.000.000.000	50.000.000.000	42.000.000.000	50.000.000.000
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả	(16)	259.217.753.028	-	61.625.000.000	-	61.625.000.000
- Mệnh giá trái phiếu		260.000.000.000	-	178.379.403.552	306.253.467.308	131.343.689.272
- Chi phí phát hành trái phiếu		(782.246.972)	-	181.800.000.000	310.000.000.000	131.800.000.000
			-	(3.420.596.448)	(3.746.532.692)	(456.310.728)
		473.024.559.226	**113.351.791.288**	**956.109.655.291**	**724.706.691.542**	**817.779.314.263**

Phụ lục 04: VAY *(tiếp theo)*

		01/01/2023	Trong năm			31/12/2023
		Giá trị	Tăng do hợp nhất kinh doanh	Tăng	Giảm	Giá trị
		VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn						
Vay dài hạn		886.003.695.301	290.657.733.967	1.623.986.240.507	644.241.955.008	2.156.405.714.767
- Vay cá nhân	(6)	141.895.716.867	-	107.586.230.507	129.625.633.499	119.856.313.875
- Ông Vũ Tuấn Cường	(7)	101.000.000.000	-	387.900.000.000	300.256.870.430	188.643.129.570
- Công ty TNHH Thủy điện Đak Lô 1-3	(8)	-	-	8.500.000.000	2.500.000.000	6.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long	(9)	263.729.134.875	-	-	34.385.285.316	229.343.849.559
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam		281.414.843.559	-	50.000.010.000	50.200.000.000	281.214.853.559
+ Chi nhánh Hà Thành	(10)	131.708.559.822	-	-	49.000.000.000	82.708.559.822
+ Chi nhánh Sóc Sơn	(11)	149.706.283.737	-	50.000.010.000	1.200.000.000	198.506.293.737
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam		97.964.000.000	-	-	88.300.000.000	9.664.000.000
+ Chi nhánh Sơn La	(12)	14.464.000.000	-	-	4.800.000.000	9.664.000.000
+ Chi nhánh Bình Dương, Bình Phước		83.500.000.000	-	-	83.500.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam		-	290.657.733.967	220.000.000.000	24.099.165.763	486.558.568.204
+ Chi nhánh Lạng Sơn	(13)	-	-	220.000.000.000	10.000.000.000	210.000.000.000
+ Chi nhánh Hoàn Kiếm	(14)	-	290.657.733.967	-	14.099.165.763	276.558.568.204
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ	(15)	-	-	850.000.000.000	14.875.000.000	835.125.000.000
Trái phiếu thường dài hạn	(16)	672.063.228.029	-	-	540.719.538.757	131.343.689.272
- Mệnh giá trái phiếu		678.100.000.000	-	-	546.300.000.000	131.800.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu		(6.036.771.971)	-	-	(5.580.461.243)	(456.310.728)
		1.558.066.923.330	**290.657.733.967**	**1.623.986.240.507**	**1.184.961.493.765**	**2.287.749.404.039**
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng		(385.103.038.344)	(42.000.000.000)	(650.409.132.313)	(484.138.752.624)	(593.373.418.033)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng		**1.172.963.884.986**				**1.694.375.986.006**

Phụ lục 04: VAY *(tiếp theo)*

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

STT	Đối tượng	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
Ngắn hạn					
(1)	Vay cá nhân	Từ 03 đến 12 tháng	Từ 9,0%/năm đến 9,4%/năm"	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
(2)	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	Theo từng lần giải ngân, không quá 12 tháng	Theo từng lần nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Đảm bảo bằng tài sản
(3)	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	Theo từng lần giải ngân, không quá 06 tháng	Theo từng lần nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, không bao gồm đầu tư TSCĐ	Đảm bảo bằng tài sản
(4)	Các hợp Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh	12 tháng	Theo từng lần nhận nợ	Thanh toán tiền mua phế liệu, vật tư hóa chất, nguyên vật liệu	Thế chấp máy móc thiết bị và phương tiện vận tải
(5)	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư An Lạc	06 tháng	14%/năm	Cầm cố tài sản để cơ cấu lại nợ doanh nghiệp hợp pháp	Cổ phiếu VCP và SMA
Dài hạn					
(6)	Vay cá nhân	Từ trên 12 đến 18 tháng	"Từ 9%/năm đến 11,6%/năm"	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
(7)	Ông Vũ Tuấn Cường	Từ 12 đến 24 tháng	9%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
(8)	Công ty TNHH Thủy điện Đak Lô 1-3	12 tháng + 1 ngày	5%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
(9)	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long	Đến hết ngày 17/01/2032	Theo từng khế ước nhận nợ	Tài trợ chi phí đầu tư xây dựng Dự án Thủy điện Xuân Minh (không bao gồm thuế GTGT Dự án); Đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Bái Thượng	Toàn bộ tài sản thuộc dự án thủy điện Xuân Minh; Tài sản hình thành từ vốn vay: Nhà máy thủy điện Bái Thượng
(10)	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	120 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	Đầu tư Dự án Nhà máy thủy điện Nậm La	Tài sản hình thành từ vốn vay: Nhà máy thủy điện Nậm La
(11)	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Sơn	180 tháng	Theo từng khế ước nhận nợ	Tài trợ chi phí đầu tư xây dựng Dự án Thủy điện Đak Robaye (không bao gồm thuế GTGT Dự án)	- Quyền sử dụng đất, toàn bộ tài sản/ Quyền tài sản đã, đang và sẽ hình thành trong tương lai từ Dự Án thủy điện Đak Robay - Tài sản đảm bảo của bên thứ ba

Phụ lục 04: VAY *(tiếp theo)*

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay: *(tiếp theo)*

STT	Đối tượng	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
Dài hạn					
(12)	Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La	180 tháng	9,6%/năm	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Tài sản đảm bảo là toàn bộ Tài sản hình thành sau đầu tư dự án và các tài sản có thể hình thành trong tương lai
(13)	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Lạng Sơn	60 tháng	Theo từng khế ước nhận nợ	Phục vụ nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả mục đích tài trợ vốn chi trả cổ tức cho cổ đông, thanh toán thuế TNDN	Tài sản hình thành từ vốn vay: Nhà máy thủy điện ĐăkGlun
(14)	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	08 năm; đến 29/12/2028	Theo từng khế ước nhận nợ	Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp của Dự án Đầu tư xây dựng Khu liên hợp xử lý chất thải công nghiệp, chất thải rắn sinh hoạt phát điện tại xã Phù Lãng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Toàn bộ tài sản gắn liền với đất đã và sẽ hình thành của Dự án, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba
(15)	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ	Theo từng lần giải ngân và nhận nợ	Theo từng lần nhận nợ	Tài trợ nhận chuyển nhượng 99,55% phần vốn góp tại Công ty con	Đảm bảo bằng tài sản

Thông tin chi tiết liên quan đến trái phiếu dài hạn:

STT	Đối tượng	Thời hạn	Lãi suất	Mục đích	Hình thức đảm bảo	Mệnh giá
						VND
(16)	**Trái phiếu thường dài hạn**					
	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	03 năm	4 kỳ đầu tiên là 10,2%, các kỳ sau bằng lãi suất tham chiếu cộng (+) 4,0%/năm	Tăng quy mô vốn hoạt động, thanh toán cho các giao dịch mua cổ phần công ty con	Toàn bộ nhà máy trạm phân phối, tuyến năng lượng đập đầu mối, máy móc thiết bị thuộc Nhà máy Thủy điện Nậm La	131.800.000.000

Tổng chi phí phát hành trái phiếu là: 14.796.740.910 VND, giá trị phân bổ lũy kế đến 31/12/2023 là: 14.340.430.182 VND, giá tri còn lại là: 456.310.728 VND.

Các khoản tiền huy động được từ phát hành trái phiếu được Công ty sử dụng mua phần vốn góp và tăng vốn tại Công ty TNHH Thuỷ điện Đak lô 4, Công ty TNHH Thủy điện Đak Robaye, Công ty TNHH MTV Nhà máy Thuỷ điện Thác Ba, Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La. Đối với tiền huy động được từ phát hành trái phiếu tại Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La được sử dụng tăng quy mô vốn hoạt động, thanh toán cho các giao dịch mua cổ phần của tại công ty con. Tại ngày 31/12/2023, các khoản tiền huy động được từ phát hành trái phiếu đã được sử dụng hết theo đúng mục đích phát hành.

Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

Phụ lục 04: VAY *(tiếp theo)*

Các khoản vay đối với các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2023		01/01/2023	
		Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
		VND	VND	VND	VND
Vay					
- Ông Vũ Tuấn Cường	Cổ đông lớn	188.643.129.570	2.425.006.145	113.500.000.000	609.212.876
- Ông Vũ Hà Nam	Tổng Giám đốc Công ty con	-	-	503.577.726	4.801.234
		188.643.129.570	**2.425.006.145**	**114.003.577.726**	**614.014.110**

Phụ lục 05: THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2023		Trong năm			31/12/2023	
	Số phải thu	Số phải nộp	Tăng do hợp nhất kinh doanh	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số phải thu	Số phải nộp
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế Giá trị gia tăng	-	7.971.860.667	-	61.417.889.338	65.582.685.180	-	3.807.064.825
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-	-	-	-
- Thuế Xuất khẩu, nhập khẩu	-	-	-	2.030.848.512	2.030.848.512	-	-
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.982	20.911.846.224	-	15.665.080.422	23.187.410.227	111.842.271	13.501.355.708
- Thuế Thu nhập cá nhân	77.558.332	1.491.061.030	159.475.370	5.702.498.353	5.841.045.989	12.642.731	1.447.073.163
- Thuế Tài nguyên (*)	-	5.498.451.536	2.064.330	60.293.447.988	60.811.312.881	-	4.982.650.973
- Các loại thuế khác	-	-	-	29.612.285	6.000.000	-	23.612.285
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	400	1.427.522.498	305.731.695	32.922.491.979	32.063.397.957	400	2.592.348.215
	77.561.714	**37.300.741.955**	**467.271.395**	**178.061.868.877**	**189.522.700.746**	**124.485.402**	**26.354.105.169**

(*) Thuế tài nguyên được tính căn cứ trên sản lượng điện, đơn giá tính thuế và thuế suất thuế tài nguyên theo quy định hiện hành.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Phụ lục 06: BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối (Đã điều chỉnh)	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	**752.398.790.000**	**5.940.175.148**	**29.589.351.149**	**-**	**160.100.772.645**	**238.549.579.705**	**1.186.578.668.647**
Tăng vốn trong năm trước	85.497.790.000	-	-	-	-	-	85.497.790.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	404.789.091.668	39.193.146.591	443.982.238.259
Giảm khác	-	-	-	-	5.245.289	(5.837.069)	(591.780)
Phân phối lợi nhuận tại các Công ty con	-	-	-	-	(919.566.084)	(10.281.549.690)	(11.201.115.774)
Phân phối lợi nhuận tại Công ty mẹ	-	-	-	-	(88.161.790.000)	-	(88.161.790.000)
Số dư cuối năm trước	**837.896.580.000**	**5.940.175.148**	**29.589.351.149**	**-**	**475.813.753.518**	**267.455.339.537**	**1.616.695.199.352**
Số dư đầu năm nay	**837.896.580.000**	**5.940.175.148**	**29.589.351.149**	**-**	**475.813.753.518**	**267.455.339.537**	**1.616.695.199.352**
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	(2.183.372.921)	4.855.028.048	2.671.655.127
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	122.457.901.425	14.126.920.226	136.584.821.651
Ảnh hưởng do điều chỉnh hồi tố tại Công ty con	-	-	-	-	2.411.137.152	(2.411.137.152)	-
Phân phối lợi nhuận tại các Công ty con (*)	-	-	17.378.122.500	4.258.537.955	(26.125.112.678)	(7.924.915.459)	(12.413.367.682)
Phân phối lợi nhuận tại Công ty mẹ (**)	-	-	360.000.000.000	-	(367.519.659.526)	-	(7.519.659.526)
Số dư cuối năm nay	**837.896.580.000**	**5.940.175.148**	**406.967.473.649**	**4.258.537.955**	**204.854.646.970**	**276.101.235.200**	**1.736.018.648.922**

Phụ lục 06: BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU *(tiếp theo)*

(*) Trong năm 2023, Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng, Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh và Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La (các Công ty con của Công ty) thực hiện phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 như sau:

	Phân phối lợi nhuận tại Công ty con	Lợi ích Công ty mẹ tại Công ty con	Lợi ích Cổ đông không kiểm soát tại Công ty con
	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng	3.787.439.901	1.931.594.350	1.855.845.551
Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh	4.966.063.601	2.532.692.437	2.433.371.164
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La	57.671.575.933	47.731.705.891	9.939.870.042
Khử khi hợp nhất		(26.070.880.000)	(6.304.171.298)
	66.425.079.435	**26.125.112.678**	**7.924.915.459**

(**) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 05 năm 2023, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

	Số tiền
	VND
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7.183.659.526
Phụ cấp Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	336.000.000
Trích Quỹ đầu tư phát triển	360.000.000.000
	367.519.659.526

Phụ lục 08: BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo khu vực địa lý

	Thanh Hóa	Bắc Ninh	Sơn La	Bình Phước	Kon Tum	Khác	Tổng cộng toàn Tập đoàn
		VND	VND	VND	VND	VND	**VND**
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	395.910.464.874	157.747.172.902	136.251.313.220	73.097.986.841	-	3.230.294.141	**766.237.231.978**
Tài sản bộ phận	1.019.932.989.372	1.606.410.367.133	566.747.507.875	455.998.582.638	847.813.638.066	16.826.787.503	**4.513.729.872.587**
Tổng chi phí mua TSCĐ	1.540.764.545	19.805.634.180	8.222.706.214	99.000.000	49.529.853.169	1.487.144.168	**80.685.102.276**

VCP

Năng lượng mới vươn tới đỉnh cao

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP

Tầng 19, toà nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

024 626 999 88

vanthu@vcpholdings.com.vn

024 626 999 77

http://www.vcpholdings.com